TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Lối phục-sức của ta từ sau khi âu-hóa — *Hoa-Bằng*
* Một quyển sách nói về văn-minh — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Ngô-thì-Nhậm . . . (I) — *Sông-Bằng*
* Đại-Nam dật-sự (VI) — *Ứng-Hòe*
* Những ông nghè triều Lê (LIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tạo-hóa và nhân-loại (V) — *Minh-Tuyền*
* Nam-đàn bát châu (XVII) — *Tùng-Vân đạo nhân*
* « Hậu-lai cách-trí » của Renan Tiên-tinh (I) — *Đỗ-Thúc*
* Từ hội-nghị Diên-hồng . . . (I) — *Khuông-Việt*
* Indrapura (Đồng-dương) (II) — *Dương-Kỳ*
* Lê-Lai đổi áo — *Lưu-quang-Thuận*
* Cháy cung Chương-Võ (Tiểu-thuyết, II) — *Chu-Thiên*

Năm thứ ba — Số 109
Thứ năm 26 Août 1943

0$30

Để xét những nét biến-thiên về lịch-sử

LỐI PHỤC-SỨC CỦA TA TỪ SAU HỒI ÂU-HÓA

HOA-BẰNG

SAU năm 1885, (ất-dậu, Hàm-nghi năm thứ nhất), nhiều người trong nước không khỏi ngơ-ngác bỡ ngỡ trước lối ăn-mặc lạ-lạ của người Âu. Phải, trong tầm mắt người mình hồi đó, những thứ «cờ-ra vát, cổ cồn» còn là những vật xa lạ chưa quen thuộc.

Từ đám tí phu đến dân dã cái lối khăn dài áo rộng còn là những thứ tiêu biểu chỏ cái tính-tình đặc biệt an-nam. Rồi những nhà tòng-sự tiền-khu của ta ra làm việc với chính-phủ Pháp, chịu ảnh-hưởng cái lối ăn-bận của các thầy thông-ngôn, ký lục trong Nam-kỳ, dần dần có sự cải cách về phục-sức: khăn lượt xếp nếp, áo trùng ngắn cũn cỡn, quần trắng hẹp ống, giày gia-định (1) da đen, mũi vuông.

Cứ căn cứ ngay vào kiểu giày gia định này, ta có thể nói: ngày mới đụng-chạm với văn-hóa Pháp, Nam-kỳ thường làm kiểu-mẫu cho Bắc-kỳ trong lối phục-sức « canh tân ». Vì giày gia định là một kiểu giày có trước ở trong Gia-định, rồi truyền ra ngoài Bắc rồi ngoài *Bắc* theo kiểu của Gia-định đó mà đóng, mà dáng, nên người ta kêu nó là « giày gia-định » để đánh dấu vật ấy từ đâu mà đến.

Sự đó cũng không có gì là lạ. Là vì sau khi chén thuốc độc cụ Phan-Thanh Giản đã rốc cạn, sáu tỉnh trong Nam đều thuộc dưới quyền thống-trị của chính-phủ Pháp (Juin, 1867), nên từ năm 1867 ấy, trong Nam, sớm hơn ngoài Bắc, tiếp xúc ngay với người Pháp, lẽ tất nhiên có sự sớm đổi mới hơn Bắc-thành.

***

Ngoài cách ăn-mặc « lối sài-gòn » ấy người mình còn có « mốt lai » nữa: áo dài ta, quần trắng ta, nhưng đầu đội mũ tây, chân mang giày tây: đó là một lối ăn bận thường thấy trong đám dân thầy và học trò chữ tây thủa trước.

Bên những người mặc « lối sài-gòn » và « lối lai » ấy, có một phái bảo-thủ, bận quần ống rộng, áo rộng tay, rộng kích, dài thân để tỏ một tinh-thần *không đổ xô theo mới*, đứng duy-trì cho lề-thói nước nhà. Phái này phần nhiều là nho-gia đứng làm đại biểu. Họ dường như có ý cố giữ cho bề hình thức càng ăn nam tí nào thì càng hay tí ấy. Phái này, — như Cô Hồng-Minh, người Tàu cố bảo-thủ cái bím, — rất trung-thành với cái búi tóc đến phút cuối cùng.

***

Hồi năm 1907-1908, một học-hội thành-lập ở Bắc. Họ hết sức hô hào cổ-động về việc duy-tân, duy-tân từ hình-thức đến tinh thần.

Dưới ảnh-hưởng của hội học ấy, nhiều người bớt tóc và bận âu-phục. Rồi từ đó, trong đám sĩ-phu, nhất là giới tòng-sự và mấy nhà báo tân-học, đã thạo đeo « côn » và thắt « nơ » lắm rồi. Nhưng trong khoảng này, cái « mốt » chưa thành vấn-đề đối với họ, vì họ mặc tây, là chỉ cốt cho gọn-gàng, tiện-lợi, tỏ ra không nệ cổ nhưng biết tùy thời biến-thông, chứ không như lớp người sau này, chỉ chú-trọng về mỹ-thuật, về vật-chất.

***

Từ mùa đông năm 1925, trường Mỹ-thuật mở cửa ở Hà-nội (2) gây cho người mình một quan-niệm mới về thẩm-mỹ.

Những sinh-viên đã được trường này đào-tạo, một khi bước chân vào đời, họ liền gieo-rắc ra xung quanh những hứng-thú về lối ăn bận mỹ-thuật. Nhất là từ năm 1932-34, do luồng sóng kinh-tế khủng-hoảng lôi cuốn, nhiều nhà họa-sĩ phải tự tìm lấy kế sinh nhai. Họ liền nảy ra cái sáng-kiến là cải-cách lối ăn mặc, thả ra mốt này mốt khác giữa đám nam nữ thiếu-niên đang háo hức những cái mới lạ về vật chất, về chủ nghĩa lãng mạn.

Gia dĩ, bấy giờ nền kinh tế xứ này đương bị lung lay, cái quan-niệm về tôn-giáo, về luân-lý nghìn xưa không còn đủ mãnh-lực để ngăn-ngừa những thị-dục, những hiếu thượng của cá-nhân nữa. Nên chỉ, trong gia-đình, quyền-hành của phụ huynh, xây trên cái nền kinh-tế nông-nghiệp, bấy lâu vẫn dựa vào quân quyền, dựa vào nho giáo, đến đây rầm rầm đổ sụp, không còn hiệu lực gì trên bọn con em.

Vả, từ năm 1930 đến 1931, xứ này vừa trải qua một cơn khủng bố

về tinh thần, nên sau đó, ai nấy chỉ cầu cầu cho tuyền tính-mệnh trong vòng nguy-nghi, không dám nghĩ gì cao xa ngoài mấy món ẩm thực, nam nữ. Vì vậy, người ta đổ xô vào con đường khoái lạc, mong mua lấy những phút vui cười tạm-bợ, sống hôm nay không nghĩ đến ngày mai.

Đó là dịp tốt để tuyên-truyền mỹ-thuật! Đó là cơ-hội có một không hai để thả mốt ăn-bận cho phái « vui-vẻ trẻ-trung ».

Rất hợp thời, tờ *Phong-hóa* (1932) thường đăng những kiểu ăn mặc do một vài nhà họa-sĩ sáng-chế (3).

Rồi từ năm 1933, cái tiếng « ăn-mặc tân-thời » dần dần phổ thông khắp dân chúng.

***

Bây giờ tôi cùng các bạn thử khảo qua về lối phục-sức của phụ-nữ ta.

Ngày xưa, « giải yếm đeo bùa » là một duyên của cô con gái đáng thương (yêu); « mớ ba, mớ năm » là cái súng-sính của cô dâu mới cưới.

Hồi năm 1916, tôi còn thấy người ta sắm đồ cưới cho cô-dâu: dép cong, nón thúng quai thao với triên thẻ bạc.

Trong đám con nhà nề-nếp, nhiều người vẫn còn chưa quen cầm ô và đi giày mõm nhái, vì người ta cho rằng đó là những đồ phục-sức của các « me ».

Nhưng rồi những tiếng « nữ quyền » và « giải-phóng » càng ngày càng thấy nhan-nhản trên mặt báo chí, các bà các cô dần dần đã mạnh-bạo làm những cuộc « cách-mệnh không nguy-hiểm và rất dễ-dàng », cách-mệnh lối ăn mặc. Đi đầu là đám phụ-nữ tân-học, rồi đến các bà các cô ở thành phố: trước còn đi ô, đi giày, rồi mặc quần trắng, đi dù, rẽ đường ngôi lệch, quấn tóc, bùi tóc...

Từ năm 1932, vì có một hai tờ báo và ít tiểu thuyết cổ-động về chủ-nghĩa cá nhân phụ-nữ ta được dịp như nước vỡ đê, ồ-ạt xô-bồ chạy đuổi theo mốt. Từ đó mấy tiếng « ăn mặc tân thời » không còn là một danh-từ dè-dặt đối với các bà, các cô nữa. Nhân thế, chúng ta được một nhận xét: ngày xưa, các « me » làm mốt cho các bà khuê-các, các cô nữ sinh, nhưng trái lại, gần nay, các bà các cô lại làm mốt cho các « me », các « ả »...

Đó vì quan-niệm về mỹ-thuật nay khác hẳn xưa và cái khiếu thẩm-mỹ đã dần mở rộng giữa vòng đàn-chúng.

***

Ta nhận thấy rằng, xưa kia, khi người mình đang sống trong bầu không-khí nho-học, phụ-nữ được hun đúc trong khuôn khổ đạo-đức, ai nấy chỉ lo trau-giồi về phần đức hạnh, tối kỵ cái lối dã dung, nên phụ-nữ trong các gia-đình lễ-giáo dường như « không dám » chú-trọng về việc trang điểm phục sức, vì họ sống theo những câu châm ngôn này:

« *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,*
« *Xấu người, đẹp nết còn hơn đẹp người.* »
(Ca dao)

Và:

« *Dung là nét mặt ngọc trang-nghiêm,*
« *Không tha-thướt, không chiều lả-tả.* »
(Nguyễn Trãi Gia-huấn ca)

Một khi tân học lan tràn trong xứ, ban đầu do mấy ông nhà báo hoặc vì muốn lập dị, hoặc vì muốn « lấy lòng khách hàng », đã lớn tiếng kêu gào « giải-phóng » cho phụ nữ. Rồi mấy nhà mỹ-thuật ra đời, lại muốn thực hành những điều sở học, bèn làm ngay công việc cải cách lối ăn mặc cho các bà các cô. Nhưng vì có lắm bạn gái hiểu sai, theo lầm, nên những lối ăn mặc quá xỗ-xàng, quá khêu gợi không khỏi đã làm một việc « phản mỹ-thuật », trái hẳn cái bản-ý của những người có sáng kiến trong cuộc cải cách này.

Ở đời, bao giờ cũng phải *tiến*, phải cố làm cho *thích-ứng* với hoàn cảnh. Có thay đổi thì mới tiến-tới; có thích-ứng với hoàn cảnh thì mới có cơ sống còn. Nhưng ta không nên quá nô-lệ thời-trang, nhất là trong lúc sợi khan, vải đắt.

HOA-BẰNG

---

(1) Bản đầu là tiếng tên riêng, sau phổ thông thành tiếng tên chung thì không cần phải viết hoa nữa, tức như *nón gò-găng, vải nam-định*.

(2) Xin coi thêm bài « Tarđieu tân sinh với trường Mỹ-thuật, Hà-nội » ở T. T số 51.

(3) Hiện nay trong dân-gian còn lưu hành một thứ yếm may theo kiểu vẽ trên báo Phong hóa, nên người ta kêu là « yếm phong-hóa ».

XIN CHÚ Ý

Nhà in, tòa Trị-sự và tòa soạn Tri-Tân đều đã giọn cả lên số nhà 95, 97 phố Chanceaulme Hanoi.

Các bạn cần hỏi gì về tạp-chí xin hỏi:
Ô. NG.-TƯƠNG-PHƯƠNG
chủ-nhiệm

về nhà in, xin hỏi:
Ô. TRINH NHƯ-LUÂN
giám đốc

MỘT QUYỂN SÁCH

nói về văn-minh

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TÔ

Tập *Văn mới* số 15-16, ra ngày 25 tháng bảy tây vừa rồi đăng cuốn *Nguồn gốc văn minh* của ông Nguyễn Bách Khoa. Bảy-mươi trang trên lược dịch bài *Civilisation, évolution d'un mot et d'un groupe d'idées*, của ông Lucien Febvre, in trong cuốn *Civilisation le mot et l'idée* (Première semaine internationale de synthèse, deuxième fascicule).

Ông Bách Khoa chua ông Febvre «là tác-giả cuốn *La Terre et l'Evolution humaine*, Trái đất và cuộc tiến hoá của loài người» (trang 26), thế thì thiếu: ông Febvre có soạn năm sáu quyển lịch-sử Âu-châu và làm tổng giám-đốc bộ «Đại-Pháp Bách-khoa tự-điển» (*Encyclopédie française*). Nhưng chỗ chua thiếu ấy không quan-hệ bằng chỗ làm sai nghĩa bài của ông Febvre. Như trang 29 ông Bách Khoa nói: «Từ năm 1765 đến 1775, chữ civilisation dần dần được đắc thế, nhưng cũng chưa được các nhà tri-thức công nhận hẳn», thế thì sai hẳn nghĩa câu nguyên-văn của ông Febvre là: «Le mot ne demeure pas inconnu. De 1765 à 1775, il conquiert ses lettres de naturalité»; câu ấy nghĩa là chữ văn-minh không phải bỗ không ai dùng đến; từ năm 1765 đến năm 1775 chữ ấy đã được nhiều sách-vở giấy-má cho là chữ phổ-thông (chính nghĩa chữ *lettre de naturalité* là giấy qui-hoá, tức như nhập-tịch văn Pháp): như thế mà nói là «các nhà tri-thức chưa công-nhận hẳn», thì thật lá trái nghĩa!

Lại trang 64 có câu: «Chế độ nô lệ chỉ còn sót lại ở những mảnh vụn của các nền văn minh cổ đã điêu tàn». Nguyên-văn (L'esclavage n'existe plus que dans les débris des civilisations anciennes) phải dịch là chế-độ nô-lệ chỉ còn sót lại ở những di-tích của các nền văn-minh cổ. Chữ *débris* có nghĩa là mảnh vụn, có nghĩa là di-tích, nhưng ở câu này phải theo nghĩa là di-tích mới đúng; còn chữ *civilisations anciennes* là văn-minh cũ, văn-minh đời xưa, chứ không phải lá văn-minh điêu-tàn.

Ở trang 67 có chữ «văn sĩ lười biếng và kỹ khôi» (écrivains paresseux et superbes) cũng nhầm: chữ *superbe* nghĩa là cao-ngạo, chứ không phải kỳ-khôi, tự-vị tây, như quyển *Larousse*, đều cắt nghĩa là «d'un orgueil majestueux»

Còn nhiều chữ sai nữa, nhưng vì không có nguyên-văn chữ Pháp, thì độc-giả cũng ít người biết là nhầm. Độc-giả chỉ lấy làm lạ rằng ông Bách Khoa hay dịch câu kỳ mà lại không rõ nghĩa, như trang 109 có câu: «Le plus difficile, pour une science naissante, est de définir son objet» ông dịch là: «công việc khó nhất của một khoa học mới phôi thai là định nghĩa được đối tượng của mình»: chữ *objet* có nghĩa là đối-tượng, nhưng dịch là mục-đích cũng được; giá ông dịch như thế nầy cỏ phải dễ hiểu không? «Đối với một khoa-học mới phát sinh, việc khó hơn cả là định nghĩa cái mục-đích của nó».

Ông nói ở đầu bài tựa rằng quyển sách của ông «có đầy đủ ba đặc-tính: 1· phổ thông, 2· tổng hiệp, 3· phê bình». Nhưng ông viết theo lối tây quá, thành ra có những câu như câu sau này, nếu không học chữ tây thì không tài nào hiểu được: «Cái chứa đựng của chữ civilisation quyết định cái chứa đựng của chữ văn minh như hình quyết định bóng vậy» (ở trang 23), lại như câu: «Đó là định nghĩa triết lý của khái niệm văn minh (civilisation), một khái niệm cấp-tiến phản chiếu rất trung thành chí phấn đấu và lòng hăng hái của một giai cấp đang thực hiện một sứ-mệnh lịch sử hệ trọng — giai cấp tư sản» (trang 63), v. v

Như thế không thể gọi là «phổ-thông» được. Tôi thiết-tưởng đối với những tư-tưởng mới, những khoa-học mới, lời văn cần phải giản-dị rõ-ràng; nếu đã là quốc-văn, mà chỉ người học chữ tây mới xem được, thì không có ích gì cả! Chính ngay chữ tây ông cũng chép sai: như trang 115 có chữ *traditionaliste* viết một *n*, ông Bách Khoa viết thành hai *n*, v. v.

Đấy là xét về chữ tây, mà chỉ xét có phần trên; nay xét về tiếng ta, thì thấy ngay trang đầu ông Bách Khoa nói: «*Văn minh* là một danh-từ mới, dịch ở chữ *civilisation* của Pháp ra», thế là nhầm; chính danh-từ «văn minh» có đã lâu: trong kinh *Dịch* có câu «Thiên-hạ văn-minh», chữ văn-minh ở đây nghĩa là đường văn sáng sủa rực-

rỡ (văn-lý quang-minh), « đường văn » là hết thảy cái gì cũng tốt hơn đẹp hơn.

Nội những chữ còn chép lại trong sách Tàu, có lẽ câu ấy cổ nhất. Đến chữ khắc ở đá, thì bia Văn-miếu Hà-nội có chữ « văn-minh chi tường », (cái điềm văn-minh) : câu này ở bài bia khắc tên các ông tiến-sĩ khoa mậu-thìn hiệu Thái-hòa thứ sáu đời vua Lê Nhân-tông (tức năm 1448) và ở bài bia khoa quí-mùi năm Quang-thuận thứ tư đời vua Lê Thánh-tông (1463). Lại trong bài bia tiến-sĩ khoa bính-tuất năm Quang-thuận thứ bảy (1466) có câu : « Thiên hựu hoàng-gia, văn-minh thịnh trị » (Giời giúp nhà vua, văn-minh thịnh trị). Xem như thế, thì ngay từ thế-kỷ thứ 15, nước ta thái-bình thịnh-trị đã gọi là văn-minh, nhiều người học giỏi tài cao cũng gọi là văn-minh. Về sau chữ « văn-minh » mới thiên ra nghĩa « tiến-hóa » : quyển *Từ-nguyên* có giải nghĩa rằng : phàm văn-hóa đã mở-mang thì gọi là văn-minh, văn-hóa chưa khai-thông thì gọi là dã-man : Giá ông Bách Khoa theo đấy mà khảo-cứu, thì lợi cả cho những người chỉ biết chữ tây, hoặc chỉ biết chữ quốc-ngữ.

Về chữ quốc-ngữ, có một việc đáng lẽ phải làm cho cân-đối với bài dịch chữ Pháp, là việc lấy các sách báo quốc-văn ra xem lại, trong có những bài luận hay bài hài-hước nói về quan niệm của người mình đối với chữ văn-minh trong khoảng ba bốn mươi năm nay.

Thí-dụ cách đây 30 năm người Nam nào mặc quần áo tây, thường được gọi là văn-minh ; mặc quần áo tây mà lại ngồi hai người một xe thì người ta bảo : « Đã văn-minh mà lại còn ngồi xe đôi ! » Đấy là nói về hình-thức ; về tinh-thần, thì như đi trên tầu thấy người đàn bà hay người già-cả, đứng dậy nhường chỗ ngồi ; đi đường thấy bắt-nạt nhau một cách vô-lý, can-thiệp vào, đều gọi là cử-chỉ văn-minh. Rồi về sau mới thành cái nghĩa như trong sách tây.

Thống-chế Pétain đã nói :

« Cá-nhân chỉ tồn tại vì gia-đình, vì xã-hội, vì Tổ-quốc mà chính họ vừa ra đời đã được hưởng-thụ đủ mọi cách thuận tiện để sinh-hoạt ».

Về nghĩa này, cuốn *Civilisation, le mot et l'idée*, có một lời bàn của ông Masson-Oursel, bổ-chính cho bài ông Febvre. Lời bàn ấy in ở trang 60, ông Bách Khoa bỏ sót không dịch. Nay tôi trích ra như sau này : « Văn-minh là mở-mang tri-thức và tổ-chức xã-hội đến một cái mực thăng-bằng nào đó. Lúc đầu, dùng vào nghĩa thông-thường, thì chữ văn-minh bao-hàm cả nghĩa phong tục thuần-hòa, rồi đến luật pháp thực-tại . . . Có cuộc biến lớn về nghĩa văn-minh, xảy ra vào hồi Âu-châu đã biết những dân-tộc Viễn-đông một cách rõ hơn ; những dân tộc ấy có luật-pháp, có phong-tục thuần-mỹ và có mỹ-thuật tinh-tế, tức là cũng có một nền văn-minh, tuy khác hẳn văn-minh Âu-châu (La civilisation est un certain équilibre entre le développement intellectuel et l'organisation sociale. Primitivement et au sens banal, civilisation implique douceur de mœurs, puis ensuite : existence des lois positives... La grande crise de l'idée de civilisation s'est produite quand on a mieux connu les peuples d'Extrême-Orient qui ont des lois, des mœurs et des arts raffinés, c'est-à-dire une civilisation, tout en différant profondément des Européens ».

Nói tóm lại, nếu ông Bách Khoa dịch cho thật kỹ và làm hẳn một đoạn về chữ văn-minh theo sách chữ nho và sách quốc-ngữ, thì cuốn sách của ông thêm được vài đoạn khảo-cứu có ích ; đây ông chỉ làm theo sách tây, vừa sai, vừa thiếu, vừa tối nghĩa, thật không đúng với lời nói trong bài tựa một tỷ nào.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cùng các ông chủ hiệu sách

Chúng tôi có nhận được nhiều thơ của các ngài hỏi điều lệ nhận bán sách của ty xuất bản Tri Tân, vậy xin trả lời chung các ngài :

1) Ở Huế và Saigon chúng tôi đã có đại lý riêng.

2) Các nơi khác mua lẻ hóa giao ngân ít nhất 10 cuốn : xin trừ 25% (cước phí về phần chúng tôi chịu)

3) Các ngài mua ngân phiếu về nhà báo xin trừ 30%.

Ty xuất bản Tri Tân.

Vì chật chỗ, nên kịch *Vũ-như Tô* phải tạm hoãn. Xin bạn đọc lượng thứ.

« Sử-học luận-đàn »

NGÔ-THÌ-NHẬM, vua QUANG-TRUNG thời bình

của SÔNG-BẰNG

TRONG lịch-sử Việt-nam, về cuối thế-kỷ thứ XVIII có một nhân-vật đặc sắc nhất là Ngô-thì-Nhậm (1744-1802). Nhờ ở mưu thần, chước quỷ cùng chánh-sách bang-giao khôn-khéo đã giúp vua Quang-Trung (1788-1792) thắng được nhiều trận rồi nhất-thống nước Việt-nam sau khi bị hai họ Trịnh, Nguyễn xâu-xé.

Nhậm, tên chữ là Hi-Doãn, hiệu là Hồng Trấn, sinh năm Cảnh-hưng thứ 5 (1744), người làng Tả Thanh-oai, phủ Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, con đốc thị Lạng-sơn Ngô-thì-Sĩ (Sĩ là một nhà học-giả uyên-bác, đã làm được bộ *Việt-sử tiêu án*).

Sinh vào nhà thâm-nho, bẩm tính lại thông-minh và chịu ảnh-hưởng trực tiếp của một gia-đình kế-thế hiển danh về khoa hoạn, Ngô-thì-Nhậm tỏ ra xuất-sắc ngay từ khi còn nhỏ. Nhậm học đâu nhớ đấy và có tài làm thơ, văn, các bạn đồng-học không ai bì kịp.

Năm Nhậm lên 9 tuổi, một hôm đi vãng cảnh chùa làng Tả Thanh-oai, Nhậm đọc ở cửa Tam-bảo đôi câu đối : « *Khuyến thiện trừng dâm* » và « *Cứu nhân độ thế* ». Để trêu nhà sư, Nhậm viết vào tích mù g 8 tháng tư là ngày [illegible]t sinh và câu phương-ngôn « của [illegible]ụt mất một đền mười », nối vào hai bên :

« *Khuyến thiện trừng dâm, con đâu đẻ tháng tư mùng tám!*
« *Cứu nhân độ thế, của ai vay mất một đền mười* ».

Việc này đến tai Ngô-thì-Sĩ. Và tuy bị 1 trận đòn rất đau, nhưng Ngô-thì-Nhậm tỏ ra có óc phán-đoán minh-mẫn ngay từ hồi còn nhỏ. Mười bốn tuổi Nhậm làu thông kinh sử, nổi tiếng là một bậc kỳ tài.

Hai mươi bốn tuổi, Nhậm đỗ giải-nguyên rồi được bổ-thụ hiến-sát phó sứ Hải-dương. Tuy bước vào hoạn-lộ nhưng Ngô-thì-Nhậm vẫn không rời việc học. Năm ất mùi (1775), Nhậm đỗ tiến-sĩ. Nhậm đạt đến cái đích sau cùng của khoa-cử rồi từ chức Cấp-sự lang-trung bộ Hộ, không bao lâu, Nhậm đã giữ chức Đốc-đồng Kinh-bắc là 1 trong bốn trấn quan-trọng nhất Bắc-hà.

Bấy giờ Tĩnh-đô vương Trịnh Sâm say mê Đặng thị-Huệ (bà chúa Chè) quyết truất ngôi con trưởng là Trịnh-Tông (sau này đổi tên là Trịnh Khải) để lập con Đặng thị-Huệ là Trịnh-Cán làm thế-tử. Dân-gian bất mãn, đặt ra câu đồng dao :

« *Đục còn nên giữ lấy tông,*
« *Cuốc đà lỏng cán còn mong nỗi gì ?* »

Mục-đích chỉ để cánh-tỉnh chúa Trịnh. Nhưng, vô hiệu ! Bởi thế, Trịnh-Tông bớ buộc bầy mưu với vây cánh của mình là Nguyễn-Ly — đốc-trấn Kinh-bắc —, Nguyễn-khắc-Tuân — đốc-trấn Sơn-tây — chờ lúc chúa Trịnh Sâm qua đời, sẽ mang binh về Thăng-long đoạt chính-quyền. Mưu-cơ ấy đến tai Ngô-thì-Nhậm. Nhậm phác-giác ra và được đặc cách phong Công-bộ Tả-thị-lang.

Cha Nhậm — Ngô-thì-Sĩ — vì ngăn con không được, uất-ức uống thuốc độc tự tử. Đó thật là một vết nhơ trong huân-nghiệp Ngô-thì-Nhậm (dưới chính-phủ họ Trịnh), một vết nhơ mà sau này sự nghiệp của Nhậm cũng không thể xóa mờ được.

Trịnh-Tông, sau vụ án năm canh-tí (1774) bị truất ngôi và bị giam vào Tam-nhân-đường, Nguyễn-Ly, Nguyễn khắc-Tuân phải uống thuốc độc chết trong ngục.

Chẳng bao lâu Tĩnh-đô-vương Trịnh-Sâm mất (nhâm-thân, 1782). Đặng thị-Huệ cùng bọn quyền thần là Hoàng đình-Bảo (sau đổi tên là Tố Lý), Nguyễn-Hoàn, Lê đình-Chân, Phan lê-Phiên, Trần xuân-Huy, Tạ danh-Thùy lập Trịnh-Cán làm chúa. Cán còn nhỏ, không rõ chính-sự, nên Đặng thị-Huệ và Hoàng đình-Bảo tư thông với nhau. Việc ấy xôn-xao cả kinh-thành Thăng-long. Tự cửa ô đến tận trong cung cấm đâu đâu người ta cũng nghe biết câu đồng dao mỉa-mai giễu-cợt cặp nhân-tình ấy :

« *Trăm quan có mắt như mù,*
« *Để cho Huy-quận vào sở Chánh-cung.* »

Sẵn cơ-hội tốt để khuynh-đảo Trịnh-Cán và Hoàng đình-Bảo Trịnh-Khải dùng quân Tam-phủ

(ta thường gọi là Ưu-bình) do Nguyễn Bồng (quê ở Nghệ-an) đứng đầu, kéo vào suý-phủ giết Hoàng đình-Bảo, phế Trịnh Cán, bỏ Đặng thị-Huệ. Những người can dự vào vụ án năm canh tý (1774) đều được phong tặng hoặc trọng dụng. Trái lại, những kẻ đã phát-giác vụ đó nhất dán đã trở thành những tử thù của chính-phủ mới. Để tránh cái chết luôn luôn quanh-quất bên mình, Ngô thì-Nhậm cáo quan về ẩn-náu tại Sơn-nam, ngày ngày thơ-thẩn trên những cánh đồng thuộc hạt Trực-định, Vũ-tiên, lấy thú ngâm vịnh để tiêu sầu. Cứ thế luôn 6, 7 năm. Trong thời-gian ấy binh-quyền về cả tay Ưu-bình. Cái ngai vàng mà vua Lê Thái Tổ (1428-1433) xây nên tiếp đến vua Trang Tông (1533-1548) dật lại của họ Mạc đến bấy giờ chỉ còn là một hư-vị.

Giữa lúc ấy chỉ trong khoảng 3 năm (1784-1786) ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ từ chiếc áo xanh của bọn nông-phu ở ấp Tây-sơn (Quy-nhơn) đã trở nên chủ-nhân một khu-vực rộng rãi chạy thẳng từ Quy-nhơn đến Quảng-nam. Đột nhiên ngày mùng 2 tháng 7 năm bính-ngọ (1786, Cảnh hưng thứ 46), quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ chỉ-huy ra Bắc, Đoan-nam vương Trịnh-Khải yếu thế, chạy lên Sơn-tây, nhưng đến làng Hạ-lôi (huyện Yên lãng) thì bị Nguyễn-Trang đánh lừa bắt đem nộp Nguyễn-Huệ. Khải tự tử chết ở làng Nhật-chiêm. Kế đó, vua Lê Hiển-Tông (1740-1786) đang ốm bị kích-thích nhiều quá cũng băng. Ngôi vua vào tay cháu đích-tôn ngài là Lê Chiêu-Thống (1787-1788), nhưng, nhà Trịnh đã đổ, nên ông vua ấy không sao ngồi vững-chãi trên ngai vàng. Ở vào hoàn-cảnh mà một tên quân không có, binh thị vệ cũng không, nhà vua phải nhờ người khác bảo vệ giúp. Người ấy là Bằng quận-công Nguyễn hữu-Chỉnh. Chẳng bao lâu, Chỉnh lại bị Nguyễn-Huệ giết chết. Như thuyền không lái Lê Chiêu-Thống lang-bạt khắp mọi nơi. Muốn khôi-phục triều-đình cũ ở Thăng-long, Bắc bình vương Nguyễn-Huệ chia quan cai trị Bắc hà. Vượng triệu-tập các cựu thần nhà Lê để giúp mình trong việc trị nước.

Được em trai là Ngô thì Chí, tự Học-Tôn, viết thư báo cho biết tin, Nhậm từ-giã Sơn-nam về Thăng long, thì được Trung thư lệnh Trần văn-Kỷ tiến-cử cùng Nguyễn-Huệ.

(Còn nữa)

SÔNG BẰNG

Đính chính về bài « Phê bình Lục Vân-Tiên dẫn giải » (số 106)

TRANG	CỘT	GIÒNG	IN NHẦM	CHỮA LẠI
7	1	6	Vân Tiên vào tạ tôn sư ra về	Vân Tiên vào tạ tôn sư *xin* về
»	3	6	ngùi ngùi ngó lại vào nơi học đường	ngùi ngùi ngó lại *nhớ* nơi học đường
»	»	31	ra đi vừa tận chân trời	ra đi vừa *rạng* chân trời
»	»	32	ngùi ngùi ngó lại vào nơi học đường	ngùi ngùi ngó lại *nhớ* nơi học đường
»	»	37	ra đi vừa tận chân trời	ra đi vừa *rạng* chân trời
18	2	4	Nguyệt Nga bảo	*Võ Thái Loan* bảo
»	3	4	đời chiến quốc tướng Ngô Khởi chặt đầu vợ cho được lòng tướng sĩ.	. . . . chặt đầu vợ cho được *phong tướng*
»	»	8	Vân Tiên dùng lời ấy để trách khéo Nguyệt Nga	. . . . . để trách khéo *Thái Loan*
»	»	9	Ngâu là một thứ cây thơm	Ngâu là một thứ hoa thơm
»	»	17	Để cho tiện thiếp lạy rồi sẽ phân	. . . . lạy rồi sẽ *thưa*

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 6

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

V. — Ông tổ văn hiến nước ta

Xưa nay vẫn tương truyền rằng ông Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang dạy dân ta, cho nên người ta tôn ông là « văn-tự chi tổ » (câu này ở trong lệnh-chỉ của Trịnh Tạc, 1657-1682, và lệnh-chỉ của Trịnh Sâm, 1767-1782, chép trong quyển *Sĩ vương sự-tích*, bản sao của Trường Bác-cổ, số A 426, tờ 41 b và 46 a), hoặc tôn là « văn-học chi tổ » (câu này ở trang đầu quyển *Sĩ-vương sự-tích* của làng Tam á và làng Lũng khê, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-Ninh).

Trong bia đá ở làng Tam-á, do ông Nguyễn-Quán đỗ thám-hoa khoa kỷ-hợi (1659) soạn năm Vĩnh trị thứ nhất (1676) có nói ông Sĩ-Nhiếp « dịch chữ nho ra âm nghĩa, dạy người trong nước, để cho người ta biết nghĩa chữ nho ra tiếng của ta, thì mới thấu suốt được đạo giáo thánh hiền » (dịch diễn âm nghĩa, giáo-huấn quốc-nhân, sử-nhân trí nam bắc chi âm, đồng đạt thánh hiền chi giáo). Trong bia đá ấy cũng gọi ông Sĩ-Nhiếp là « văn-tự chi tổ ».

Về hồi đạo nho còn thịnh, mỗi làng có lập một văn chỉ để cúng tế đức Khổng là ông tổ đạo nho; thường năm cứ đến hai kỳ xuân thu, vua lấy ngày thượng-đinh tế ở văn-miếu, các quan tỉnh lấy ngày trung-đinh tế ở văn chỉ hàng tỉnh, dân lấy ngày hạ đinh tế ở văn-chỉ hàng xã. Lúc bấy giờ nhiều người bàn rằng chỉ vua và các quan mới được tế đức Khổng còn dân gian chỉ được tế ông Sĩ-Nhiếp (tôn là Sĩ-vương), nên nhiều làng đề bài vị là « Nam-giao học-tổ Sĩ-vương », nghĩa là ông tổ sự học nước Nam là Sĩ-vương. Xem như thế thì hầu hết trong nước cúng tế ông Sĩ-vương, chứ không phải chỉ có làng Tam-á và làng Lũng-khê mà thôi.

Nhưng đó đều là tập quán và tương-truyền, thật ra trong chính-sử không có chỗ nào chép ông Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang dạy. Bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 3, tờ 12 a) chỉ chép rằng: « Nước ta thông thi thư, tập lễ nhạc, gọi là nước văn-hiến, bắt đầu từ ông Sĩ-vương ».

Lại xem trong *Đại-Việt sử ký tiền-biên* (quyển 3, tờ 14 a 15 a) có lời bàn như sau này: « Sử cũ chép ông Sĩ-Nhiếp làm thái thú quận Giao-chỉ, vì người trong nước kính mến, đều gọi là vua nên chép riêng ra một đời gọi là « Sĩ-vương kỷ », theo lệ chính thống: ấy là sử-thần giận trong khoảng trăm năm không có người chính thống, quan Tàu tham bạo, dân khổ quá chừng, nay có một ông quan nhương tựa được, người trong nước được yên đến bốn mươi năm (từ năm 187 đến năm 226 sau T.-C), cho nên nhân thế gọi là vua, để hả cái giận trong trong một nước. Nhưng có nghĩ đâu ông Sĩ-Nhiếp tuy là bậc hiền-tài, nhưng cũng là theo mệnh lệnh nước Tàu sai sang, cũng là người Tàu sang cai trị nước ta. Huống chi theo lệ nhà Hán, châu cai-trị quận, mà trong đời Sĩ-Nhiếp thì vua Hiến đế nhà Hán đã cho Trương-Tân làm thứ-sử Giao-châu đến đời Tôn-Quyền lại cho Bộ-Chất làm thứ sử. Sĩ-Nhiếp tuy có tiếng là đồng-đốc cả bảy quận, nhưng thực ra chưa hề được tự quyền cả châu Giao mà làm vua bao giờ. Chẳng biết quận Cửu-chân và quận Nhật-nam lúc bấy giờ thuộc về ai. Nếu khen Sĩ-Nhiếp tuy làm thái-thú, mà bảo toàn một quận, uy-tôn muôn dặm, như lời khen của Viên-Huy (sẽ đăng số sau), thì chưa bằng Đào-Hoành bốn đời, Đỗ-Viện ba đời, làm thứ sử, nhân dân trong châu được hòa thuận đời đời, họ Đào họ Đỗ được độc quyền cả châu Giao, sao không chép ra một kỷ. Nếu bảo rằng « nước ta thông thi thư, tập lễ nhạc, gọi là nước văn-hiến, bắt đầu từ Sĩ-vương », như lời

(Xem tiếp trang 21)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao

- Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hànội: *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*

Huế: *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*

Saigon: *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 59

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

3. — Phan-Liễn, người làng Lỗi-xá, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên (đời Lê là trấn Sơn-nam), đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 đời vua Lê Thánh-tông. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a).

4. — Nguyễn-văn Kỹ, người xã Hạ-lãng (Bình-lãng), huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hữu thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

5. — Nguyễn-Sâm, người xã Đông-tạ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến thám-chính (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, 43 a).

6. — Trịnh-Phác, người xã Tang-khê, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông (đời Hồng-đức gọi là trấn Sơn-nam). Năm 50 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 35a).

7. — Trần-khắc-Minh, người làng Mạc-xá huyện Chương đức, tỉnh Hà đông; nhà ở làng Đan-sĩ, huyện Thanh-oai. Năm 22 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 48 a, chép là năm 32 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, tước Lương-nhân-hầu. Về tri-sĩ, thọ 74 tuổi. Nguyên họ Hoàng, đến con là Nghĩa-Phủ đỗ trạng-nguyên khoa tân-mùi 1511, lại theo họ cũ là Hoàng. Là ông nội Hoàng-tế-Mỹ đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1538 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a-b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 48 a).

8. — Đặng-minh-Bích (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ an, tờ 44 b, chép là Trịnh-minh Bích), tên tự là Ngạn-Hoàn, người xã Bạch-đường, huyện Nam-đường, phủ Anh-đô, tỉnh Nghệ-an. Năm 32 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Bắt đầu được bổ chức Hàn-lâm-hiệu-thảo, dần dần làm đến thượng-thư. Bộ *Toàn-Việt thi-lục* (sách Bác-cổ, số A 1262, quyển 14, tờ 8b) còn sao được hai-mươi bài thơ cận thể của ông, toàn là thơ tức cảnh và vịnh vật như ngư-phủ, tảo-mai, v. v. (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b).

9. — Đặng-doãn-Tu, người xã Đông-động, huyện Thanh-lan, phủ Tiên-hưng. Năm 22 tuổi (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 94 b, chép là năm 24 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm học-sĩ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31b)

10. — Tống-phúc-Lâm, người xã Nhất-trai, huyện Thiện-tài (Lang-tài), phủ Thuận-an (Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm 19 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 122 a). Tháng 12 năm đinh-mùi hiệu Hồng-đức thứ 19 (1488) phụng mệnh đi sứ sang nhà Minh ta về việc vua Tàu tặng lụa mùi. Về việc này, bộ *Khâm-định Việt sử* (quyển 24, tờ 6b-7a) chép như sau-nầy: «Xét nước Chiêm-thành bị phá, dòng-dõi vua Chiêm là Cổ lại kéo cả thì à sang nhà Minh cáo về tai-nạn. Minh Hiến-tông sai quân đưa về nước lập làm vua và bảo cho nước ta biết. Đến khi Hiếu-tông lên ngôi, sai sứ sang cáo về việc nối ngôi và tặng lụa mùi. Đến năm 1488 vua Lê Thánh-tông sai Đàm văn Lễ, Vương-khắc-Thuật, Phạm miễn-Lân sang mừng về việc lên ngôi, Tống-phúc-Lâm dâng hương, Hoàng-đức-Lương tạ về việc cho lụa mùi, Hoàng-bá-Dương đem việc Chiêm-thành quấy nhiễu ngoại biên cáo với nhà Minh.»

11. — Lê-nhữ-Thông, người xã Tân phúc, huyện Tiên phúc, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 Làm đến tự-khanh (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 65 a).

12. — Đào-khắc-Lâm (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 72 chép là Đào-khắc-Việp), người xã Mặc-thủ, huyện Bình-hà (Thanh-hà), phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Binh-khoa đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 31 b).

13 — Quản-Phác, người xã Đại hội, huyện Vũ-tiên, phủ Kiến-xương, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến thừa-chính-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 9 b).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NAM-ĐÀN BÁT CHẨU TỤC THẢO

(Lối thơ tân thành-lập)

Tác-giả : TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

XXXIV

Nhân ngày kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du, liên tưởng đến công-nghiệp bộ Lịch-triều hiến-chương của cụ Phan-huy-Chú, thơ đề thuật chí

(Thơ-soạn)

Bút Nam-thiên tự-hào ở hai bộ sách :
Một Kim Kiều, một Lịch-đại hiến chương.
Quốc-âm, Quốc-chí hai phương :
Quyển kinh Bách-Việt, kho vàng Vạn-xuân.
Hồng lĩnh đã chiêm thần Liệp-hộ :
Sài-sơn chưa tỏ dấu Mai phong ;
Cụ Nguyễn kỷ-niệm đã xong,
Bao giờ đại-đồng, kỷ-niệm cụ Phan ?

Chú-thích

Tự hào : Mình lại khoe mình một cách chính-đáng. Về phương-diện Quốc-âm thì ngòi bút trau-chuốt truyện *Kim Vân Kiều* đã kể là văn-chương tuyệt-phẩm. Về phương-diện Quốc-chí thì ngòi bút biên-tập bộ *Lịch-triều hiến-chương* cũng kể là trước-tác vô-song. Mà về phần quan-hệ với nòi-giống Việt-nam thì hai bộ sách ấy đều không phải là nhỏ (Quốc-chí nghĩa là chép việc bản-quốc).

Bách-Việt : Nguyên là danh-từ gọi chung các nòi-giống Việt. Chữ Bách-Việt đây là nói riêng về giống Nam-Việt ; lãm giả chớ nên câu-nệ danh-từ mà phương-hại ý nghĩa.

Vạn-xuân ; Quốc-hiệu nước ta về hồi Tiền-Lý. (Bách-Việt với Vạn-xuân đều là tài-liệu thay chữ Việt-nam nói về quốc-hiệu).

Liệp hộ : Xem ở Nam-đàn tiền-tập bài số 3 trong Đông-Pháp báo.

Mai-phong : Cụ Phan-Huy-Chú hiệu là Mai-phong, người làng Thụy khuê ở sơn phận núi Sài thuộc tỉnh Sơn-tây. Bộ *Lịch triều hiến-chương* chính là thủ-bút của cụ làm ra, dùng thể-tài Hán-văn chép việc Bản quốc, tất cả bốn mươi chín quyển, chia ra có mười loại biên-chí : Địa-dư, Nhân-vật, Quan chức, Lễ nghi, Khoa-mục, Quốc-dụng, Hình-luật Binh-chế, Văn-tịch, Bang-giao các loại-chí v. v. 1) Kể là một chế-tác vĩ-đại, kho báu vô-cùng tận của người Nam

XXXV

Phan Tú-tài khóc

(Thơ soạn)

Đi thi đỗ Tú-tài là đủ,
Lui về nhà, kim-cổ với non sông,
Trở nên một bậc hào-hùng,
Tài kiêm Giả-Nghị, bút không Tử Trường.
Sử-tập, Triều-chương, vầng nhật rọi ;
Trạng-nguyên, Tể-tướng, đám mây qua.
Sài-sơn cảnh-trí đâu xa,
Hỏi thăm người đỗ hai khoa Tú-Tài.

Chú-thích

Hào-hùng : Tống-nho Trình-Minh-Đạo th « Phú-quí bất dâm, bần-tiện lạc ; nam-nhi đáo th thị hào-hùng. » Dâm là ý say-đắm.

Giả-Nghị : Đời Hán-Văn-đế, nhà văn-học là Gi Nghị dâng bài « Trị an-sách », tỏ ý di phong dị tục, được vua Hán quyến-chú.

Tử-Trường : Tư-mã Thiên, tự Tử-Trường một nhà đại-trứ-danh về sử-học ở đời Tây-Hán, hiệ Thái-sử-công. « Bút không Tử-Trường » cũng nh nói bút hơn Tử-Trường.

Sử tập, Triều-chương : Cụ Phan khi phụng mệnh sang sứ Tàu có tập thơ là *Hoa-thiều-ngâm lục*. Triều-chương tức là bộ *Lịch triều hiến chương*. (Tập Hoa thiều ngâm-lục, tác-giả bình sinh chửa được xem vẫn lấy làm hận) !

Trạng nguyên Tể-tướng : Tống sử : Giả-Hoàn Trung nói : « Thi đỗ chẳng trạng nguyên, làm quan chẳng Tể-tướng, lấy vợ chẳng công-chúa, là kẻ hỉ sinh. »

Cảnh-trí : Cũng như cảnh thú.

Hai khoa Tú-tài : Triều Gia-long, Đinh-mã và Kỷ-mão, cụ Phan đi thi hai khoa đều đỗ Tú tà rồi lui ở nhà, để công-phu tâm-huyết mười năm biên-tập thành bộ Lịch triều hiến-chương đem dâ vua Thánh-tổ (Minh-Mệnh).

Đây là nói cụ Phan không phải là hạng người chỉ ở phú-quí như Giả-Hoàng-Trung vinh diệu nhất thời. Mà vẫn là hạng người chỉ ở văn-chương học-thuật như Giả-Nghị Tử-Trường lưu-phương thiên-cổ.

Bài này nên tham-duyệt với bài « Hồng-sơn liệp hộ ngâm » số 3 trang Nam đàn bát chầu tiền-tập đang Đông-Pháp báo, sẽ thấy qua được nhân-vị và phẩm-tính hai bậc tiên-dân. *(Còn nữa)*

Hà đông, HI-ÁN-TH

1) *Xin coi thêm những bài «Phan-Huy Chú» và «Lịch triều hiến-chương» ở T.T. những số 55, 69, 95, 96, 105, 1*

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 5

MINH-TUYỀN

Bi-đát quá! Nay thân già trơ-trọi,
Ngài một mình lăn-lộn khoảng không trung,
Sống với nỗi nhớ-nhung buồn rười-rượi.
Với xác con lạnh-lẽo ủ trong lòng
Ném những điệu huyền ca sầu ảo-não
Vào vi vu gió dạo dưới trăng tà,
Vào giông-tố lôi-đình cơn quát-tháo,
Vào đêm trường rả-rích hạt mưa sa.

IX

O! huyễn-tượng bi-ai! ta đã tỉnh,
Như tiềm-linh trở lại với xương khô,
Như xác chết nhỏm ngồi trong huyệt tĩnh,
Rồi mơ-màng chắp nối kiếp duyên xưa,
Rồi ngơ ngác nhìn trời trong bóng tối,
Rồi trầm-ngâm, lững-thững bước lần đi,
Cố phân biệt hướng phương cùng đường lối,
Và lắng nghe trường dạ rỉ tai gì....
Đất muốn cựa, lắc lay cây cối ngủ!
Gió muốn lên, khuấy lộn biển không đen!
Sao muốn mọc, sáng soi sơn hải cũ!
Nước muốn reo, thúc-dục tiếng chuông rền!
Từ cõi chết, hồn mê sang cõi sống,
Ta đang mong tiếng nhạc đón ta về;
Như chán cảnh âm-u trong trời rộng,
Ta đang tìm ánh lửa túc đêm khuya.
Đất hãy cựa cho máu hồng chuyển mạnh!
Gió lên mau quét sạch óc vương mơ!
Sao hãy mọc cho mộng làn thực tỉnh!
Nước reo mau tiếp rước bóng Nàng Thơ!

***

Nàng Thơ hỡi! đôi ta cùng thể-chất,
Nhưng hai hồn, khi hợp lại như chia,
Là những lúc đôi ta tình ngây-ngất,
Ta, bên nàng, trơ-trọi đuổi theo mê.
Nàng Thơ hỡi! đã cùng nàng hoà nhịp
Chèo con thuyền đi ngược sóng thời-gian,
Vào quá-khứ xa-xăm trời mờ-mịt,
Rồi quay về hiện-tại chốn doanh-hoàn.
Nàng có nhớ trong bàn tay nho-nhỏ
Ta đã để xoay xoay trái địa-cầu
Cho ta ngắm dung-nhan đời thái-cổ
Với u-minh huyền-ảo đổi thay-mầu.
Đây bến cũ! Hãy cùng nhau vang hát!
Hãy cùng nhau ôn lại quãng đường dài
Hãy cùng nhau nghỉ chèo trong chốc lát
Để cùng nhau hun ấm giá đôi môi!
Vả đất vẫn chìm-im trong phẳng-lặng,
Gió vẫn còn mải thủ tận đâu đâu.
Sao vẫn chưa hiện hình; sương xuống nặng,
Nước vẫn còn vương-vít giấc canh thâu.
Nàng có thấu lòng ta còn khao-khát
Được cùng nàng giong-ruổi phía tương-lai,
Rời cổ độ, thả thuyền trên bát-ngát,
Tới nơi nao phó mặc cảnh buồm xuôi:
Hoặc vào khúc Mơ Màng sông Tưởng-Tượng,
Hoặc theo giòng Lý Trí bể Thâm Trầm,
Hoặc nhập động Tâm-Tình non Mê-Sảng,
Hoặc thăm hang Tiềm Thức lối âm-thầm.

***

Kìa ánh lửa, Nàng ơi! trong xa thẳm!
Hỏi phương nào? Có biết để qua chơi?
Hãy tới đặng, quản chi muôn vạn dặm!
Phải chăng, Nàng! ánh lửa của Tương-Lai?
Gió bỗng dậy, thuyền hồn băng cõi lạ.
Đất rở mình, lay tỉnh núi, non, ngàn.
Sao mở mắt sáng mây, tuôn hơi giá.
Nước mừng vang, tấu nhạc khúc hân-hoan.

(Còn nữa)

M. T.

« HẬU-LAI CÁCH-TRÍ »

(L'AVENIR DE LA SCIENCE)

của RENAN tiên-sinh (1)

Số 1

Thịnh-quang ĐỖ THỨC

Ai đã xem một quyển sách triết-lý như pho : *Hậu-lai cách-trí* (L'avenir de la Science) của Renan tiên-sinh soạn, mà thử tóm cho đủ hết những ý-tứ hay trong sách ấy thì cũng lấy làm khó lắm. Nhưng chính trong bài tựa, tiên sinh lại thú nhận, có lẽ vì sự nhũn-nhặn, rằng : « Công-trình kiến-trúc mới lần thứ nhất này có lắm chỗ dở thật to, nếu ta cố chút tự ái về văn-chương thì đáng nhẽ ta phải tước bỏ pho ấy trong công-trình của ta đã nghĩ đại khái đều theo lối đều-hòa mà làm nên. Tư-tưởng bày ra không có tí gì khéo-léo. Ấy là một bữa ăn chiều có lắm tài liệu tốt, nhưng không có vẻ gì điểm-trang, mà lại không vứt những đống vỏ. Ta đã muốn không bỏ một chút gì. Vì sợ không ai hiểu, ta đã nói trắng-thiết quá : muốn đóng cửa, ta đã tưởng phải dọt bùa nhiều cái. Phép đặt văn, cần xén lắm khu trong rừng tư-tưởng, khi ấy ta chưa từng biết phép đó. Lúc khởi đầu, không viết vắn-tắt được. Lối văn tiếng pháp phải rõ-ràng mà có ý tứ kín-đáo, vì thế có khi phải thú thật là bó-buộc chỉ nói một phần tư-tưởng mà thôi có thiệt cho nghĩa-lý thâm-trầm, như thế ta thiết nghĩ là một việc nghiêm-ngặt thái quá. Tiếng pháp chỉ muốn bày ra những sự-vật rõ-ràng, mà những phép-tắc cực to-tát, có can-hệ đến những sự biến-cải trong cuộc đời thì lại không rõ-rệt ; người ta chỉ thấy lờ mờ . . . » (Bài tựa, trang VI).

Ấy nhời tiên-sinh đã nói trong bài tựa. Rừng tư-tưởng kia rộng-rãi biết bao : Nhưng ai đưa chưn vào đó chỉ e như người rợ. Tuy vậy, nếu độc-giả nhờ chút thành-thực muốn dò tâm-lý của tiên-sinh có nhẽ không sợ lạc đường chăng ?

Tâm-lý ấy thế nào ? Tiên-sinh đã ngỏ : « Tinh-thần bộc-bạch ra cần phác-hoạch liên-tiếp các phương-diện linh-tinh, mà mỗi phương diện có kể đoàn-thể mới đúng sự thực. Chỉ xem một trang sách ắt sai nhầm bởi vì một trang chỉ nói một sự-vật mà thôi, chân-lý thì chỉ là sự góp chập muôn sự-vật. Vậy mà trong sách này, ta đã muốn bày tỏ một nhẽ trước nhất, ấy là lòng tin về chân-lý, lòng tin về bản-tính, của giống người ta. » (trang 433).

Tiếng « science » (*Khoa-học* hay là *cách-trí*) theo ý tiên-sinh, ấy là triết-học, như vậy không phải là vô ý đâu. Cứ tiên sinh thì triết-học là tiếng đã ưa mượn để tóm cuộc đời tiên-sinh được rõ-ràng hơn cả. Nhưng mà tiếng ấy quen dùng thông thường chỉ tỏ ra một tấm bình-thức chưa đầy đủ về cuộc sinh-hoạt trong tâm-hồn và lại chỉ nói có một việc tưởng-tượng của con người chăm-tư mặc-tư một-mình, khi tiên-sinh nghĩ về phương-diện nhân-loại, phải dùng tiếng tri-thức thì rõ-rệt hơn. Rênan đã tiên-tri nói sẽ có ngày kia, giống người ta không tín-ngưỡng nữa, nhưng mà sẽ biết rõ có ngày kia sẽ biết rõ cõi đời siêu-hình, vô-hình, cũng như là đã biết cõi đời hữu-hình ; có ngày kia, chính sự giống người ta không phỏ mặc may rủi, mưu kế quỉ-quyệt, nhưng mà để cho hợp chính lý biện-luận về sự hay hơn, cái tốt hơn, với các phương-pháp rất linh-nghiệm để làm đến nhẽ tốt hơn ấy. Nếu mà cách-trí có mục đích như vậy, nếu cách-trí có việc dạy con người ta cho được biết kết-mự thế nào, biết phép-tắc thế nào, được rõ cuộc đời là gì, gom góp mỹ-thuật, văn-thơ với đức-hạnh mà gây thành một tâm-lý tưởng-tượng thần-tiên, chỉ có cái ấy làm cho đời người ta có giá-trị, nếu vậy thì cách-trí có lắm người phản-đối chân-thực không ?

Nhưng vì có kẻ sẽ hỏi vặn : Cách-trí sẽ làm nên được những sự-nghiệp dự, trước lạ-lùng ấy chăng ? Tiên-sinh đã đáp rằng : « Chỉ biết nếu cách-trí không làm được thì không còn ai sẽ làm được nữa, mà giống người ta rồi ra chẳng khi nào hiểu tiếng muôn sự vật vì chỉ có cách-trí là cách-thức hợp phép để biết rõ, mà nếu các tôn-giáo đã có thể đỡ nhân-loại tiến-hành được chút ảnh-hưởng hữu ích, ấy là chỉ tại trong các tôn-giáo có ám lẫn cách-trí, nghĩa là công phu hợp qui-củ của thần-trí con người ta vậy » (trang 91).

Tiên sinh đã bầy tỏ cái nhẽ sáng suốt đem khoa-học, hay diễn cho đúng ấy là triết-học, đặt vào nơi địa-vị tối cao, bởi không có món ấy thì đời con người ta vô vị. Vả chăng, tiên-sinh ắt đã lao tâm khổ tứ lắm, cho nên ta phải tự than-thở rằng : « Nếu thật cuộc đời người ta chỉ là một cuộc liên-tiếp những sự lằng-nhằng, chẳng có giá-trị siêu-cảm gì, thì khi mới ngẫm-nghĩ tử-tế, đáng nhẽ ắt phải tự quyên-sinh cho rảnh ; kể từ nơi say mê lúc nào cũng bận lòng đến nơi tự-sát, trong khoảng đường ấy không có khúc nào là ở nơi giữa. Sinh-hoạt vì tinh-thần mà sinh-hoạt, hấp-thụ cái nhẽ vô cùng bởi tất cả những chưn lông kẽ tóc, làm nên công-nghiệp đẹp-đẽ đi đến nơi hoàn-toàn, mỗi người theo lực-lượng riêng của mình, duy có việc ấy cần thiết mà thôi, còn những sự khác đều là khốn-khổ thần-trí ». (trang 8).

Như vậy, tiên-sinh có ý trọng bề tưởng-tượng hơn là phần vật-chất, ai mà để tâm ngẫm-nghĩ một chút thì thấu tiên-sinh tư-tưởng có nhiều chỗ ám hợp nho-giáo. Những bằng-chứng không thiếu. Chỉ mở quyển sách của tiên-sinh đã làm ra mà đọc kỹ, thì thấy tiên-sinh đã tế ý thành-thực, như trong mấy đoạn sau này :

« Khoa-học rộng-rãi, thong-dong, tự do, không có giấy xích nào bó-buộc, trừ có mối chính-lý mà thôi, không có những biểu-ký bí-mật, không có những nhà đạo-đường, không có những vị giáo-sĩ, sinh-hoạt dễ-dàng trong cõi đời gọi là cõi tục, ấy là cái hình-thức những mối tín-ngưỡng từ nay sẽ dun-dủi nhân-loại mà thôi. Những nơi thờ-phụng cái đạo-lý ấy là những nhà học-đường, không phải học-đường như bấy giờ còn thơ-ấu, nát-nớt, cầu-nệ giảng-giải, nhưng mà như đời cổ là những chốn dư-nhàn, các người tụ-tập đó để cùng thưởng-thức món cao siêu. Các vị giáo-sĩ ấy là các nhà hiền-triết, các nhà khoa-học, các nhà mỹ-thuật, các nhà văn-thơ, nghĩa là những người đã lĩnh được mồn thiên lý tưởng-tượng lấy làm phần gia-tài riêng của mình được, và đã từ chối không chiếm phần của thế-gian. Như vậy thì ắt thấy cái thiên-chức văn-thơ của các nhà giáo-hóa mở-mang cuộc văn-minh hồi thượng-cổ lại sẽ hiển-hiện ra (trang 104).

Tiên sinh nghĩ đấy là một sự hy-vọng về sau này nhân loại sẽ tiến-hành đến nơi ấy cũng như muôn sự hy-vọng khác của các nhà tôn-giáo, các nhà thi-nhân ta không thể quên được.

Tiên-sinh viết những giòng này rất xứng-đáng là một vị « *tây nho* » :

« Người hiền không cần cầu-nguyện có định giờ ; bởi vì cả đời người hiền khi nào cũng cầu nguyện vậy. Nếu tôn-giáo trong cuộc đời phải có riêng địa vị, thì tôn-giáo đáng nhẽ ắt phải bận cả đời, chỉ có chủ nghĩa tu-hành cực khám-khổ là đương-đối mà thôi. Duy những kẻ thần-trí nông-nổi hoặc tâm-hồn yếu đuối đã tin ở giáo Cơ-đốc, mà có thể lưu ý đến cuộc sinh-tồn, khoa học, văn-thơ, muôn sự-vật cõi đời này ! Những kẻ sùng tâm-lý thấy sự yếu-đuối ấy mà thương xót cũng phải. Thực đạo triết-lý, không rút lại có mấy cành để thu nhỏ cả cây to nhớn, có rễ mọc từ trong tâm-hồn giống người ta, thực đạo triết-lý ấy chỉ là một cách sinh-hoạt trong cả đời người ta, coi bất cứ sự vật gì cũng có ý-nghĩa hoàn-toàn tưởng-tượng thần-tiên, lấy sự tâm-hồn trong sạch, tâm tình cao-thượng, để làm cho cả cuộc đời có thú-vị như thần tiên vậy.

« Đạo giáo, cứ như ý ta nghĩ, thì rất xa cái lẽ mà các nhà triết-lý gọi là đạo giáo thiên nhiên (religion naturelle), một loài siêu tinh học nhỏ nhen, không có vẻ văn-thơ, không cảm-động gì đến loài người, tất cả những công việc mưu-mô đã thử làm về đang ấy trở không thành hiệu quả gì sau rồi cũng sẽ hỏng tất. Khoa học về đức tính hoàng-thiên, mà coi như một loài khoa học riêng thì chẳng có nghĩa gì cả. Còn có người tinh khôn mà có thể mong làm được những sự phát minh về đang trên ấy ? Thực khoa học về đức tính hoàng thiên ấy là Khoa học muôn sự vật, khoa học hình-chất, khoa học sinh lý, sử học, mà nghiên cứu kính-cẩn vậy. Sùng bái là biết rõ, là yêu mến chân-lý của muôn sự-vật... » (trang 473).

(*Còn nữa*)

Thịnh-quang ĐỖ THỨC

1) Nhà in P. Brodard xuất-bản năm 1905

Trong bài để tặng giáo-sư E. Burnouf, tác giả đọc làm tại Paris tháng Mars năm 1849. Cả pho có 23 thiên, sau sách có nhiều tiểu-chú có một bản lược tóm các đề mục.

Renan đã sinh tại Trégnier (France) năm 1823, mất năm 1892.

Du ký

INDRAPURA (Đồng-Dương)

Số 3

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

Tặng bạn Võ-Mai

— Vua Uroja (1) là dòng dõi của Parameçvara. Uroja sinh ra Dharmaraja, là đấng tốt phúc và thông minh.

— Dharmaraja sinh Rudravarman thông minh dĩnh ngộ; con Rudravarman là đức vua tốt phúc và nổi-danh Bhadravarman.

— Crĩ Indravarman, con của Crĩ Bhadravarman, nhờ oai-linh của Maheçvara được làm vua nước Campa.

— Vậy thì đế nghiệp đã hoàn-toàn truyền đến vua này; chứ không phải nhờ hoàng-tổ và hoàng khảo mà ngài được lên ngôi tôn.

— Cũng nhờ sức tu hành, nhờ trí thông-minh tươi sáng của ngài mà ngài lên ngôi vua, chứ không phải nhờ ông, cha.

— Thần Bhadreçvara đã cho ngài lên làm vua....

Xem đoạn bi-văn trên này, ta nhận xét hai điều:

1 — Tuy bi-văn khởi đầu bằng một câu niệm Phật Lokeçvara, nhưng trong mấy hàng dưới lại nhắc đến Thần Bhadreçvara (Çiva). Xem như thế thì ta thấy, dù ở thế-kỷ thứ IX, tại nước Chiêm-thành, người ta cũng không phân biệt hẳn hai tôn-giáo Bà-la-môn và Phật. Chẳng những thế mà thôi, người Chàm lại còn không phân-biệt các thần với những vị Chiêm-vương đã lập đền thờ thần ấy. Vì thế ta thấy họ thờ thần và vua chung lộn trong một tháp, trong một tượng. Tượng ấy là cái linga (hình dương-vật) trùm một cái bọc bằng vàng có đính ngọc gọi là kòça

2 — Vua Indravarman này là một ông vua sáng-nghiệp, khởi đầu một họ vua ở Chiêm-thành. Nhưng Indravarman đã được ngôi bằng cách nào? Hòa-bình hay hung-bạo? Phải chăng Indravarman đã cướp ngôi của dòng Vikrantavarman (2). Điều ấy cũng có thể được, vì những sự thay triều đổi họ ở Chiêm-thành thường đầm những máu. Nhưng dù cho có cướp ngôi thật. Indravarman lẽ tất nhiên là phải giấu-giếm; nên Chiêm-vương ấy bảo rằng đã được Vikrantavarman truyền ngôi cho, như ta sẽ thấy sau này.

Làm thế Indravarman cho là chưa đủ, vì biết rằng muốn làm vua tại một xã-hội có giai cấp phân-biệt như xã-hội chàm, thì cần tìm cho ra tổ-tiên mình là hàng vua chúa; có thế dân-tình của bốn giai-cấp mới phục. Vì thế nên Indravarman mới nhận vua Uroja làm tổ. Uroja là một ông vua huyền-hoặc, thuộc về thần-đại của nước Chiêm-thành. Con đòng cháu dõi như thế thì thần Bhadreçvara mới cho lên làm vua chứ! Vua Chiêm trị dân do mệnh của thần Bhadreçvara, cũng giống như vua ta ỷ vào trời (Thừa thiên hưng vận) vua Pháp ỷ vào Chúa (par la grâce de Dieu).

Bây giờ ta hãy xem Vua Indravarman đã tỏ ra khôn-khéo như vậy là người thế nào:

Bia ấy viết:

— Vua, tinh-thần siêu-việt, đã tu-hành từ kiếp nọ đến kiếp kia; những dân đàn anh bèn tìm vua để nhờ bảo-hộ tổ-quốc yêu-quý Campa. Cầu nguyện vua trị-vì lâu-dài và mãi-mãi ở đây.

— Cầu nguyện vua lâu-dài bền-vững trong đế-nghiệp để dắt-dìu (thiên-hạ) đến cõi Nát-bàn, lâu dài như vua các thần theo Dharma (pháp) và nhờ sức của sự cùng-tế mà trị-vì trên trời; lâu-dài như nước sông chảy vào biển sâu, lâu-dài như gió, như đất, như trăng, như mặt trời, như tinh-tú...

— Vua là người hay nhổ mốc-giới các nước; đối với địch cũng hiền-hậu. Quân địch nào mà không mù-quáng trong lúc hỗn-chiến, đều đến hiến thân cho ngài...

— Ngài (Indravarman) hiệu là Laksmindra Bhuvaçvara... có sức mạnh của mười ba ông thần, đã được vua (Vikrantavarman) truyền ngôi, sau lại được các thi-sĩ và đế-vương ca-tụng.

Còn phật Lokeçvara là thế nào, xin nghe bia chiêm ấy kể:

— Trẫm mong rằng đã giúp vào việc cứu-vớt chúng sinh, khi Trẫm đã làm ra được đấng tối cao Lokeçvara, là hiện-thân của các kiếp Phật. (Nghĩa là khi Trẫm đã lập được tinh-xá để thờ Lokeçvara?)

— Những thần nào nhân-từ, lòng rộng-rãi với chúng-sinh đáng cứu-vớt? Lokeçvara khi nào cũng tràn-trề lòng thương, và có chí nhẫn-nại tuyệt-đối.

— Thiên-hạ suy-nhược vì khổ-não, nhiều người đang bị đày đọa

Tinh-xá Đồng-dương (Quảng-nam)

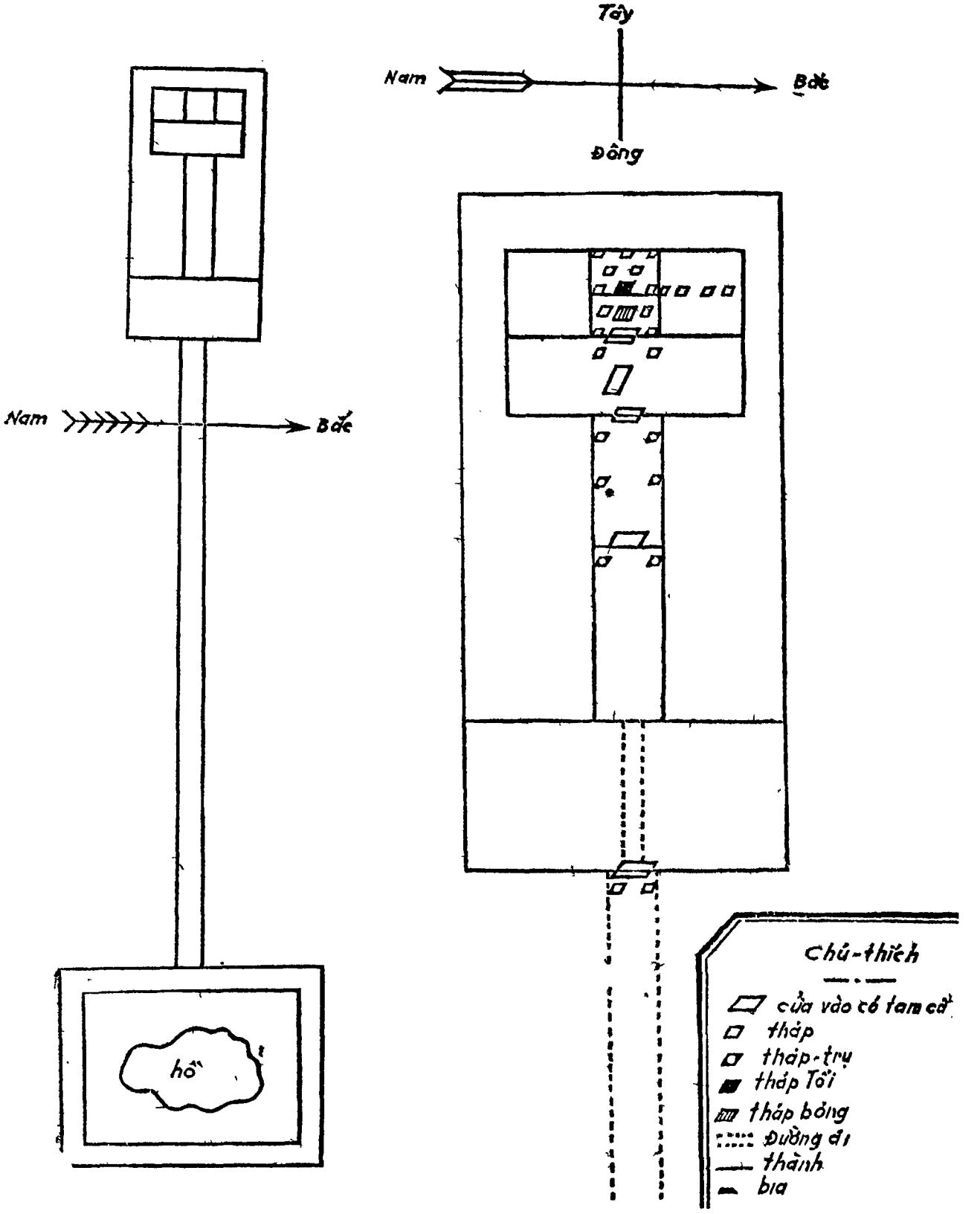

địa-ngục, ngày đêm luôn-luôn ước ao thấy ngài. Thiên hạ lâm vào nỗi khổ vô-cùng-tận trên đời, mong-mỏi thấy ngài, cũng như về mùa hè, những người đang bị nắng và khát đốt-thiêu mong gặp được nước mát-dịu. (3)

Lập xong tinh-xá và muốn để bảo-vệ đời-đời kiếp-kiếp tinh-xá ấy, Chiêm vương Indravarman cho khắc vào bia ấy những câu như thế này:

— Theo Dharma, (Trẫm) đã lập lên một tinh-xá, tha khỏi thuế, để cho quần tăng hưởng lợi.

— Trẫm đã trí lại đó tất cả các cách mưu-sinh cho quần tăng, ngõ-hầu ích lợi cho chúng-sinh.

— Không phải để thu lợi cho vua, không phải để thêm thuế, mà chính để quần tăng hưởng nên tinh xá này đã lập ra cho vạn thế.

— Những ai giữ của này cho quần tăng, như các nhà thông thái bà-la-môn, các ẩn-sĩ, các bà con của vua, vân vân... đều được cùng gia-quyến đến cực-lạc quốc của Phật; còn người nào lấy hoặc phá-phách của cải ấy đều phải sa xuống địa-ngục rùng-rợn.

— Kẻ nào thấy tận mắt hoặc nghe nói ai đánh cắp của cải ấy mà không tố giác với vua, đều xuống địa-ngục.

— Ai tố giác thì bản thân, cha, mẹ, bà-con không khi nào xuống địa ngục.

— Ai lấy của cải ấy, ksatriyas hay bà-la-môn, đều kiếp kiếp cùng cha mẹ rơi vào khổ-não của địa-ngục.

— Kẻ nào, tuân theo lời Trẫm mà giữ-gìn của-cải ấy (ruộng nương, vàng, bạc, thau) để cho quần tăng dùng, đều cùng đầy tớ của họ vân vân... được đến chỗ ở của Phật.

— Ai không tuân theo lời Trẫm, vua, bà-la-môn, phú-giả, đều cùng cha, mẹ, bà-con bị đày xuống địa-ngục.

Kìa, bạn đọc đã giựt mình! Chúng ta, ai lại chưa nghe người mình kể với một vẻ mặt sợ-sệt, cái tài thư hoặc nguyền rủa của người Hời. Huống chi lời nguyền này lại do một ông vua Hời thốt ra! Ông cha ta đã bao phen hạ kinh-đô nước Chiêm-thành, phá-phách tinh-xá này, đem về nước nào « vàng, bạc, thau », nào gái đẹp. Nếu lời nguyền của Chiêm vương có hiệu-nghiệm thì.....!

Nam mô cứu khổ cứu nạn.....!

Nômôh Lokeçvara!

IV. — Thóp Sáng. — Một vài ý nghĩ về nghề kiến-trúc của người Chàm.

Tháp Sáng cũng tương-tự các tháp chàm khác: tầng sát nền của tháp nào cũng là một hình-khối vuông, phía trên chồng những tầng khác giống như tầng ấy, nhưng quy mô nhỏ dần, lên thấu trên chóp thì chỉ còn một khối đá hoặc gạch. Các tầng trên có cửa hình tiêm-cung, nhưng đều bít gạch, lại đặc góc lại cheo-leo những mảnh chạm (pièces d'accent) bằng đá có, bằng gạch có, làm cho toàn tháp có một quang-cảnh lởm-chởm như quả dứa non, tia cạnh còn dài, nhọn. Tháp xây toàn bằng một thứ gạch đỏ rất ứng, chồng lên trên nhau không có dấu vôi; cũng có dùng đá, nhưng chỉ để các chỗ cần thôi, như ở khung cửa ra vào chẳng hạn.

Một đặc sắc của nền kiến-trúc chàm là, ở trên cửa, hoặc trong lòng tháp, trên phòng, họ không xây cuốn tò vò như ta hoặc tàu bao giờ. Tại các chỗ đó đều xây theo cách mà các kiến trúc sư pháp gọi là « encorbellements successifs »; hàng gạch trên quá hàng gạch dưới một tí, cứ như thế cho thấu trên chóp. Trên các cửa thì ta thấy hình một cái tam giác vã trong lòng hồng ta lại thấy hình một kim-tự-tháp, mà các bậc cứ nhỏ dần, nhỏ dần, để khuất trong tối. Cách xây như thế được chắc-

Đón coi

Tác phẩm viết công phu nhất của *NGUYỄN TUÂN*

QUÊ HƯƠNG

Hơn 500 trang. In đẹp
Bản thường: 5$00
Giấy quý: 20$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

69 Rue du Charbon-Hanoi

Ai chưa biết chữ nho?
Ai muốn học thêm chữ nho?
nên mua quyển

CHỮ NHO
HỌC-LẤY

Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC soạn

Giá 1$00 — cước thường 0$12 — đảm bảo 0$32

không gửi lĩnh hóa giao ngân — Để cho:
hiệu Bông Tây, 19[illegible],
hàng Bông — HANOI

Các tiệm sách buôn có hoa hồng lậu

chắn, nhưng phải cái làm cho cửa thành hẹp, lòng tháp thành chật. Vì thế nên tháp nào của chàm quy-mô cũng không được to-lớn.

Tại sao chung đụng với ta, với Tàu, hơn mười mấy thế-kỷ mà không khi nào thấy họ bắt chước cách xây tò-vò của ta? Phải chăng là vì thể-lệ về kiến-trúc cổ ở Ấn-độ, nhất là kiến-trúc các đền-đài để cúng-tế, cấm không cho người chàm, cũng như không cho người Khmer, xây cuốn tò vò.

Xem một tháp chàm, ta có cảm-giác đang ngắm một chiếc nhẫn: chỗ nào cũng chạm trổ rất tỉ-mỉ từ dưới chân cho thấu chóp. Ít có viên gạch nào thoát khỏi lưỡi đục. Tuy chạm bộn bề nhưng xem trong toàn-thể thì rất cân-đối, « rộng-rãi », và nhịp-nhàng.

Một đặc-sắc nữa của nền kiến-trúc chàm là, như tôi đã nói trên-kia, các viên gạch sát nhau, không có một tí vôi, hồ nào. Thực là một điều lạ.

Có người bảo rằng muốn xây những cái tháp nguy-nga tráng lệ như thế, trước hết người chàm sắp những viên gạch còn lu thành tháp, rồi lấy đục chạm trổ đâu-đấy xong xuôi, mới chất lửa đốt. Có thể những viên gạch mới hoàn-toàn sít nhau, và những nét chạm đi từ viên gạch này qua viên gạch khác mới liền-lẳng, tự-nhiên như thế được. Vả chăng xem kỹ trong các bức tường đổ, ta thấy gạch ở ngoài cứng, chắc, hơn gạch ở trong. Phải chăng là vì gạch ấy bị đốt sau khi xây, nên ở ngoài gần lửa chín hơn ở trong?

Nhưng làm thế nào mà đốt những cái tháp cao hơn 20, 30 thước tây như thế được? Vả chăng, để đỡ những chóp cửa xây theo kiểu « encorbellements successifs » thì bắt buộc phải để những cái xà ngang bằng đá trước khi đốt. Vậy thì tại sao trên các xà ấy lại không thấy dấu-vết của lửa? Ta nên nhớ rằng, muốn đốt những cái tháp cao như thế thì phải lập những dàn lửa khổng-lồ, và gây nên nhiệt-độ rất cao, đá cũng phải bị ảnh hưởng. Đó cũng là ý-kiến của ông Tham Đ. hiện nay đang coi nhà tàng-cổ Parmentier Tourane. *(Còn-nữa)*

MẪN-KHÁNH DƯƠNG-KỲ

(1) Một cái bia chàm ở Quang-nam kể sự-tích vua Uroja như thế này: Yça sai Bhagu dựng cái linga của Cri-Çambhubha dreçvara và « lập một nước giàu hơn hết, tên là nước Campa ». Rồi Çambhu « mắt và mặt đều cười, sai Uroja: Mấy tổ phúc, Uroja, sán-lạn những vinh-quang tùng-tập của sự phồn-thịnh, bại nhân của Çambhubhadreçvara. Hãy đi lên trên quả đất, và nắm lấy nghiệp đế-vương » (Histoire de Champa của Maspéro, trang 43-44.

(2) Vikrantavarman làm vua vào khoảng năm 854 (776 Çakas).

(3) Người ta có thể bảo rằng đoạn này vừa nói về vua Indravarman, vừa nói về Phật Lokeçvara.

Một cuộc trưng bầy sách quý ở Thái-bình

Bắt đầu từ 31 Août đến 30 Septembre 1943 hiệu sách Minh Đức ở Thái-Bình có trưng bầy các sách quý bằng quốc văn thuộc về các loại: văn học, triết học phong tục, khoa học, giáo dục tiểu thuyết v. v...

Các nhà chơi sách nên tới thăm vì đó là một cuộc triển lãm hiếm có.

Trong thời hạn đó bạn nào mua năm tạp chí Tri Tân sẽ được trừ hai mươi phần trăm.

Nay kính mời

Hiệu sách Minh Đức

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Phap

1p00 một vé

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TẤU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chinh Phả. *Giá cũ 0$40*
2) Gương Luân-Lý (hết)
3) Hưng yên địa-chí (hết)
4) Bắc-giang địa-chí dày 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50
b) Vị tiền. (Xã hội-tiểu thuyết) *0$25*
Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch) *0$30*
Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (lu ký) *2$00*
Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa chỉ tác-giả:

Nhật-nham Trịnh-như-Tấu
Tham-tá phủ Thống-Sứ Bắc-kỳ
hay biên-tập-viên báo Tri Tân 95-97 Rue Chanceaulme Hanoi

TỪ HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG
ĐẾN
HỘI-ĐỒNG HƯƠNG-THÔN

KHUÔNG-VIỆT

ĐIỆN Diên-hồng vàng son bống lộn, rồng quấn cọp dựa, phụng múa lân chầu, thật là huy-hoàng tráng-lệ. Trừ những buổi vua ngự, bình nhựt điện vắng vẻ đìu-hiu. Nhưng hôm nay lại náo-nhiệt khác thường, quần bầu ra vào bận rộn, khuân đôn vác ghế. Rồi từ ngoài cửa chánh-điện tiến vào hai hàng kỳ-lão tóc bạc da mồi. Trước kia được ra vào nơi điện chỉ là những văn quan võ tướng áo mão uy-nghi. Nay lại những cụ già quê mùa, khăn lượt áo lương, cỏm lưng trên gậy trúc, khúm-núm rụt-rè. Thật là một việc bất ngờ đối với điện Diên-hồng đã tự-phụ là một nơi sang trọng tôn-nghiêm.

Tin giặc Nguyên sắp đến làm nôn-náo nhơn dân. Hội Bình-than nhóm các vương-hầu quan chức vừa bãi. Hưng-đạo-vương Trần Quốc-Tuấn lãnh tiết-chế thủy lục quân binh vừa truyền hịch và sắp đặt việc kháng chiến đã đem về nhiều yên ổn trong lòng dân.

Nay các bậc kỳ-lão của làng xa thôn vắng lại được lịnh vua Trần Nhân-Tôn triệu-tập hội-nghị tại điện Diên-hồng để bàn về quốc-gia đại sự.

Thế là cái năm Giáp-thân (1284) này đã đem lại cho dân Đại-Việt lại tin quan-trọng.

Chống giặc là phận sự của nhà nước đã có tướng tài binh mạnh, tự ngàn xưa vẫn thế. Ngày nay Nhân Tôn lại mời cả hàng dân-giả tham dự việc nước; đó là một sáng-kiến vô cùng mới mẻ, bảo sao nhơn tâm không nhộn-nhàn, bá tánh chẳng xôn xao?

Từ ngày lập quốc, người dân đất Việt nào dám biết tới chánh-trị là gì. Phận sự của họ là chăm việc nông tang, đóng góp thuế vụ. Đời sống của họ không phải là đời ẩn-dật nhưng lựa hồ như ẩn-dật. Bây giờ vua lại dời đến trưng cầu ý-kiến trong khi vận nước sắp đảo điên. Đó là một vinh-hạnh lớn mà cũng là một trách-nhiệm nặng nề. Vậy phải làm sao tạ lòng chiếu-cố của đứng quân vương mà không hổ phận thần dân một cường-quốc.

Trong các bực kỳ-lão được chiếu vua triệu về kinh, có lẽ nhiều cụ từ ngày sanh trưởng chưa từng ra khỏi lũy tre đầu làng. Bởi thế trước khi ra đi, chắc trong gia-đình đã nhiều phen bàn soạn, sắm-sửa hành-trang và nơi đình làng đã tụ họp dân đình chung bàn việc nước.

Thăng-long thành đối với các cụ là phồn-ba cảnh lạ, nhưng nhiệm-vụ đại-diện quốc-dân các cụ phải lo trước nhứt. Phương chi năm chục vạn quân Nguyên do Thái-tử Thoát Hoạn điều bát cùng tướng giỏi Toa-Đô, Ô-mã-Nhi đã sắp sửa tràn sang xâm chiếm. Nếu một mai non nước tan tành thì ảnh-hưởng sẽ khốc-hại đường nào và trách-nhiệm ấy nào riêng ai chịu! Nước mất thì nhà tan. Vả lại tổ-quốc nào phải của riêng ai, các hạng người đều có phận-sự thiêng-liêng đối với. Thà chết vẻ-vang vì tổ-quốc còn hơn sống đục trong cảnh xã-tắc luân-vong.

Với những ý-nghĩa đó các bực kỳ-lão bước vào điện Diên-hồng chầu đức Trần Nhân-Tôn. Và khi nhà vua phán hỏi nên đánh hay đầu, các cụ đều một lòng xin đánh. Quí hoá thay chí cương-quyết của người già đối cùng vận nước! Đẹp đẽ thay lời nói tự thâm tâm dầy niềm ái-quốc!

Đến khi dự yến của vua ban, các kỳ-lão càng thêm phấn khởi trong lòng. Nghĩa quân vương đã nặng; ơn bậu đãi của vua còn làm cho các cụ muôn phần cảm-kích.

Ý-kiến chiêu-tập Hội-nghị Diên-hồng ta đã cho là lạ, đến sự đồng tâm của các kỳ-lão trong việc chống lại kẻ thù thì thật là đáng phục. Biết đâu những chiến-công rực-rỡ mà đức Trần Hưng-Đạo lập nên trên thây máu quân Nguyên, một phần không nhờ sức ủng-hộ của quốc-dân! Có lẽ chỉ dưới đời Trần tinh-thần quốc-gia của giống Việt mới được dịp bộc lộ mãnh-liệt phi-thường dường ấy. Cái tinh-thần quốc-gia ấy là một dảy «Vạn lý trường thành» mà trên thế gian nầy chưa dễ có lực-lượng nào xô ngã.

Mặc dầu sách sử chỉ vắn tắt ghi chuyện Hội-nghị Diên-hồng, nhưng cũng đủ đánh dấu một việc cải-cách về chánh-trị và để lại cho đời một gương sáng về tinh-thần quốc-gia. Việc cải-cách ấy cái tinh-thần

quốc-gia kia đều lấy người dân làm gốc.

Với Hội-nghị Diên-hồng, vua Trần Nhân-Tôn đã đi trước các nước trên hoàn-cầu trong việc chăn dân và khi từ Âu sang Á đâu đâu cũng còn đang chìm đắm trong sự thạnh-hành của chế-độ phong-kiến và quân-chủ.

Âu cũng là một điềm vẻ-vang cho lịch-sử Việt-Nam.

Hơn năm trăm năm sau, khi cái văn-minh của Tây-phương bắt đầu thâm nhập vào nước Việt do người Pháp sang Nam-kỳ, người dân Nam-việt thêm một phen lại được nhà cầm quyền ân-cần đến: Dân-tâm và dân-ý bị khinh thường trong bao nhiêu thế-kỷ nay lại được trưng-cầu.

Những năm đầu cai-trị xứ Nam-kỳ, thuộc thời-kỳ kiến-thiết của thuộc địa mới, chánh-phủ Pháp nhận thấy không thể đột-ngột thay đổi đầu hôm sớm mai cả một chế-độ đã có gốc rễ từ lâu ăn sâu vào tâm-hồn quần chúng. Bởi thế những luật-lệ và cách-thức cai-trị của cựu-triều đều được tạm duy trì; mặc dầu những luật-lệ và cách-thức cai-trị đó có tánh cách độc-đoán, loại hẳn người dân ra ngoài vòng chánh-trị. Quyền-lợi của dân, những việc cải-cách trong nước có quan-hệ đến đời sống của dân, dân không khi nào được biết tới. Phận sự của họ là cúi đầu nghe theo lịnh trên truyền xuống.

Qua năm 1868, các cuộc phản-động đã tạm yên, nền-móng của thuộc-địa đã vững chắc, thủy-sư đô đốc G. OHIER cảm thấy ngày giờ sửa sang việc nội trị đã đến và cần phải quan tâm tới người dân, tập cho họ quen lần với chánh-sách cai-trị mới lấy nguyên-tắc tự-do làm nền-tảng. Nhơn đó ngài mới nghĩ tới việc dò xem dân-ý để tìm biết chánh-kiến và nguyện-vọng của dân. Ngài bèn lập ra Hội-đồng Hương-thôn (Assemblée des villages).

Đây là lần đầu tiên được áp dụng ở thuộc-địa mới Nam-kỳ nầy việc tuyển cử người thay mặt dân trong một hội nghị nên nhà cầm quyền phải thận trọng để đặt. Bởi thế phải làm làm sao cho mỗi người dân hiểu rõ mục đích của Hội-đồng Hương-thôn. Muốn vậy thủy-sư đô đốc Ohier bèn cử một Ủy-ban gồm có các ông Philastre, Đỗ-hữu-Phương, Legrand de la Liraye thảo-luận trước những vấn-đề sẽ được đem ra Hội-đồng bàn cãi. Và để chỉ rằng việc ấy là một việc hệ trọng đối với quốc-dân, chánh-phủ không quên hỏi riêng ý-kiến các bực tri-thức trong xứ. Ông Pétrus Trương-vĩnh-Ký, lúc bấy giờ là tú-nhơn, có đạt một tờ trình bành mạch về Hội-đồng Hương-thôn.

(*Còn nữa*)

KHUÔNG VIỆT

Cùng các bạn làng văn

Chúng tôi có nhận xuất bản các sách thuộc về các loại:

1. Khảo cứu (sử học, văn học triết học)
2. phiên dịch (cổ, kim, đông, tây)
3. tiểu thuyết lịch sử, sách thanh niên v. v...

Trong khi chờ các bạn cùng chúng tôi cộng sự trong việc bồi bổ văn hoá này, chúng tôi xin phép trình bầy trước các tác phẩm đã viết.

Chúng tôi sẽ lần lượt cho xuất bản:

I — **Quan Thám kéo vó** (loại thanh niên) của Tiên Đàm Nguyễn-tường Phượng

II — **Thơ ngụ ngôn La Fontaine** (văn dịch) của Cách-chi;

III — **Quang-Trung** (lịch sử ký-sự) của Hoá-Bằng

IV — **Đêm hội Long-trì** (lịch sử tiểu-thuyết) của Nguyễn-hữu-Tường

V — **Bắc-ninh đ. phí** của Nhị Nhạm, Trần-nhu-Tấu và Tiên Đàm Nguyễn-tường-Phượng

Các họa sĩ: *Trần Vận, Nguyễn văn Tỷ* và *Phạm gia Giang* sẽ trông nom giúp về phương diện mỹ thuật.

Vậy mong các bạn làng văn hưởng ứng với chúng tôi trong công việc xuất bản này xin cảm tạ.

TRI TÂN

T. B. Các hiệu sách muốn nhận bán của Tri-Tân xin cho thể ngay từ bây giờ viết thư thương lượng.

LÊ LAI ĐỔI ÁO

của LƯU QUANG THUẬN

(Đã diễn ở Lửa Trại Hướng-đạo Phong-lệ (Quảng-nam) và lên sân khấu ở Hà-đông đêm 17-3-43)

Các vai : *Lê Lai*
Lê Lợi
Một võ tướng, tạm đặt tên là Trần Thiện

(Lều trại của Lê-Lợi ở trận Chí-linh. Bàn, ghế đơn sơ. Ngoài xa, tiếng vang của quân Minh reo hò. Mở màn Lê Lợi đang ngồi chống tay lên bàn, Lê Lai đứng cạnh bồn chồn lộ vẻ thất vọng.

Lê Lợi. — (đứng dậy) Quân Minh hết như sóng gầm, thác đổ,
Lưới muôn trùng, tứ phía siết bao vây.
Trông viện binh, mỗi phút như một ngày,
Thấy tướng sĩ đã dồn cao tợ núi.
Lê Khanh ơi !

Lê Lai. — Dạ, muôn tâu ?

Lê Lợi. — Người dẫu quyết, cũng không qua vận rủi,
Trời không nương, thôi chống đỡ dẫu ngàn tay,
Chúa tôi ta lao khổ kể bao ngày,
Công chẳng khác dã-tràng trên bãi gió.
Ước cho ta anh-hùng nay mạt lộ !
Thịt xương này dẫu nát cũng riêng vui,
Thương binh trung, tướng thảo mấy muôn người
Vì nghĩa lớn sắp đầu rơi dưới kiếm.
(Ngừng một chốc, tay ôm đầu)
Quân Minh-tặc lại tung hoành xâm chiếm !
Muôn lê dân, trời hỡi ! lại lầm than !
Mưu cơ đồ, tráng sĩ đã bền gan,
Nhưng thiên địa không cùng ta góp sức
Lê khanh ơi,
Trông đêm trước, lời ta chưa nói dứt,
Lê khanh đã vội vã khiến ta im.
Nhưng khanh ơi, giờ đã hết, khôn tìm,
Ra cách khác, chỉ còn phương kế ấy.
Trời đã muốn, ta đành theo ý vậy,
Ta thân hành ra để chết trên yên.
Với giang-sơn cho trọn một lời nguyền,
Thân dẫu nát, không còn chi oán hận.

Lê Lai. — Tâu Lê chúa, chưa phải giờ thất vọng.
Bởi trận này ta thất thế xa chân,
Đề quân Minh như nước lở tới gần,
Chưa day trở đã mòn binh tồn tướng.
Quân Minh dẫu hùm beo, ngu ý tưởng
Cố phen này Lê chúa thoát nguy nan,
Lui xuống Nam, nhờ địa thế vững vàng,
Không mấy lúc sẽ từ thua chuyển thắng.

Lê Lợi. — Lê khanh ơi, lòng ta như mặt đắng,
Nghe lời khanh hăng hái, xót xa thêm,
Giữa trùng vây, chỗ chết ta đã tìm,
Ngày mai hậu thôi mong chi được nữa !
Người chiến-sĩ gói thây trong da ngựa
Đã đến giờ, ta chết để hy-sinh,
Cho tướng, cho quân, cho trọn nghĩa, tình,
Cùng ai đã theo ta trong gió bão
(Quả quyết) Ta ra đấy, quân thù trông sắc áo
Lê Lai. — Tâu chúa công, ngài hãy quý mình vàng
Ra trận tiền, thần phủ phục xin can
Vâng, phải chết, cho bờ đê hạ nước
Vâng, phải chết, cho trọn lời thề ước,
Nhưng muôn tâu, người phải chết là... tôi
(Cởi áo) Xin đổi áo cho vua
Giết được tôi rồi,
Quân Minh sẽ tưởng trừ xong được chúa
Giờ đã gấp, không nên do dự nữa
Lê Lợi — (Chưa chịu cởi áo),
Ôi Lê khanh, ôi Kỷ-Tín đời nay !
Ôi can trường, dám vì ta chết thay.

Lê Lai. — (bồn chồn),
Quân bốn phía bờ reo bằng nước lở

Lê Lợi. — Trông khanh chết, lòng ta đâu lại nỡ...

Lê Lai. — Xin chúa công mau cởi áo hoàng-bào.

Trần Thiện. — (Chạy vào),
Thế nguy rồi, xin lệnh chúa khẩn mau.
Lời quyết định : quăng gươm hay đánh nữa.

Lê Lai — (dồng dạc)
Truyền tướng-sĩ phải ra thân chống đỡ !
Chúa thân hành ra trận đánh quân Minh.

Trần Thiện. — (vái rồi ra),

Lê Lai. — (Đổi áo vua khoác vào mình, chân trong, chân ngoài đặn)
Khi quân reo phía bắc, chúa băng mình
Cùng đôi tướng chạy về đông sẽ thoát (ra khỏi).

Lê Lợi. — (với theo)
Lê khanh hỡi ! ... Ơn muôn trượng sẽ đền trong kiếp khác.

Hạ màn

LƯU-QUANG-THUẬN

Đại-Nam Dật-Sự

(*Thiếp teo trang 8*)

bản của ông Ngô-sĩ-Liên, thì Sĩ-Nhiếp vốn có học-vấn thật, chú-giải sách *Tả truyện*, thông đại nghĩa sách *Thượng-thư*, nhưng sơ đắc của ông chưa từng dạy người trong nước, thì cũng chưa bằng ông Tích-Quang đem lễ-nghĩa dạy dân Giao-chỉ, ông Nhâm-Diên đem hôn-lễ dạy dân Cửu-chân, để cho người ta biết đạo vợ chồng, biết nghĩa cha con, đã khởi-sướng cái văn-phong ở Lĩnh-nam trước. Hai ông Tích-Quang và Nhâm-Diên còn không chép riêng ra một kỷ, huống chi ông Sĩ-Nhiếp ».

Vì thế bộ *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* bỏ, không chép riêng ra một kỷ, mà chép theo vào thời Bắc-thuộc ; về sau bộ *Khâm định Việt-sử* cũng chép như thế.

Còn như từ đâu mà có chữ « Sĩ-vương » ? Có lẽ vì đời Trần có phong ông Sĩ-Nhiếp làm Đại-vương, theo lệ phong-tặng bách thần : đến đời Lê ông Ngô-sĩ Liên, nhân chữ Đại-vương đó mà chép là Sĩ-vương. Song câu chuyện nói rằng người trong nước tôn ông Sĩ-Nhiếp làm vua cũng không phải là không có lẽ.

Duy có câu chuyện ta tương truyền là ông Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang dạy ta, thì không lấy gì làm bằng chứng, vì chính ông Ngô-sĩ-Liên cũng chỉ chép nước ta gọi là văn-hiến bắt đầu từ ông Sĩ-Nhiếp, và ngay như sắc-chỉ của vua Lê-Chiêu-thống cũng chỉ khen ông Sĩ-Nhiếp là « văn-hiến chi tổ » (*Sĩ-vương sự-tích*, tờ 48 a).

Dù sao, dân nước Nam cũng có điều được nhờ ơn ông Sĩ-Nhiếp, là lúc bấy giờ bên Tàu có loạn Tam-quốc, nước nào cũng muốn dòm-dỏ nước Nam, thế mà ông bảo-toàn được một quận, không phải cơn binh hỏa nào, dân được yên vui, không ai thất nghiệp, khen là Triệu-Đà cũng không hơn thì hơi quá, nhưng cũng có thể gọi là ông « hiền thái-thú ».

Riêng về việc học, quyển *Sĩ-vương sự-tích* (tờ 17 b) chỉ chép ông dựng trường ở thôn Lũng-chiền (nay Lũng-khê), xã Tỉ-ảnh-tương, huyện Siêu-Loại, tỉnh Bắc-ninh ; có lẽ ông dạy cả đến thi thư làm cho văn-học được thịnh hành, cho nên tôn ông là « văn hiến chi tổ ».

Cải chính. — Số 108, ra ngày 19-8-1943, in nhầm chữ « chiếu-thư » ra chữ chiến-thư (trang 5, cột 1), chữ « cắt đất phong hầu » (liệt-thổ phong hầu) ra chữ cắt đầu phong hầu (trang 5, cột 2) !

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Kỳ sau

1) Phê-bình với văn-học sử
KIỀU THANH-QUẾ

2) Ngọc-Hân.
Kịch ngắn của TÂN-PHƯƠNG

Giá báo

Mỗi số	0 $ 30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Hộp Thư

ông. Thuyên Thanhoá — hết Août được 4 tháng ngài gửi cho 5 $ — Xin đình gửi từ Septembre.

ông. Trần-v-Kinh Cần thơ — thiếu 3 số. Ông gửi ngân phiếu 1 $, sẽ xin gửi bao vào. C. R đất.

ông Xương Cai Bè. Nhận được mandat 12$, xin miễn reçu, đã vào sổ.

ông. Phan k-Khoan Thanhoá. Đã nhận được thơ. Xin ông giữ lời hứa ngay cho.

ông Ng p. Châm chợlớn — Ngài muốn mua báo cũ, sẽ gửi contre remboursement.

ông. N. H. Tưởng. Đã nhận 2 tập D. H. L. T. Đa tạ - Xin lưu ý

P. M. P

ông. Vương sáng Đồng-Đăng : 1er 10-43 hết hạn, báo 103 đã gửi.

ông Phan Mỹ-Nhật Saigon ; báo mua từ 15 1 43, ông mới giả 5 $, còn thiếu 3 $ 50 đủ năm 15 1-44 theo giá cũ, xin gửi nốt cho cám ơn.

Đã có bán

Phạm Thái

Viết dựa theo « Tiêu Sơn Tráng Sĩ » của Khái Hưng. Một công trình trang nghiêm và độc sắc. Những quan niệm đặc biệt trong nghệ thuật viết và diễn kịch thơ để đánh dấu thời mở kỷ nguyên mới trong văn nghệ nước nhà.

Kịch dài bằng thơ
của
Phan Khắc-Khoan
tác giả

1· **Trần-Can**

2· **Lý Chiêu-Hoàng**

Những vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-nam.

3· **Xa Xa 2$00**

Thơ mùa biển sắp hết những hương vị diệu kỳ của hè trời, sông lam cát trắng. Một cuốn Đường Thi Việt-nam.

4· **Hư Vô 1$20**

Dịch thơ của OMAR KHAYYAM bậc thi hào dị kỳ nhất thế giới. Những bài thơ sâu sắc hơn thơ Baudelaire rầm hùng hơn thơ của Gœthe và Horace.

Sắp ra

Quỳnh Như ; Nguyễn Hoàng
Vận Sách Quê-Hương

Boîte postale N 15 Thanhoa

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 2

CHU-THIÊN

TRƯỚC sau và hai bên nạm thuyền, lính thị-vệ mặc áo vàng tuốt kiếm đứng hầu. Ở trong lầu đức vua đang hội kiến cùng mấy vị đại thần. Đằng sau đấy, xa một tí là hai thuyền vệ binh nữa vây kín lại. Ngự thuyền đi đến đâu là tiếng hô reo lại vang lên đến đấy, dậy giời chuyển đất. Các quan hương-mục mặc áo thụng đứng bên hương án bày bát vọng, cúi đầu vái lia lịa... Đồng thời trên hai bên bờ sông, hai đoàn kỵ binh vẫn giống đôi nhau đều-đều nện vó đi hộ vệ ngự thuyền, cho thêm phần long trọng và để phòng sự bất trắc. Ba chàng trẻ tuổi đứng dưới gốc cây đa cũng ùa theo đám đông hò reo khi lọng thuyền ngự qua. Nhưng họ im ngay trước, để nhìn ngóng về miền sau thuyền. Cách một quãng dài, đoàn thuyền tiên phong, gồm năm chiếc đơn sơ mộc mạc, nhưng chắc chắn, mỗi lần sơn một màu khác, trên đầu có lá cờ hiệu to thêu chữ « Trần », đằng sau lại một lá cờ thêu hai chữ Thiên-thuộc là tên đội quân Tức vệ của Triều-đình. Trên thuyền những quân sĩ nai nịt gọn gàng, chống dáo dương cung trông rất hùng-dũng. Kế đến chiếc thuyền đầu phượng sơn đỏ chói, trên thuyền phất phơ lá cờ Tiết thêu hai chữ « Khâm mạnh ». Ở trong lầu cuốn rèm, thấp thoáng một vị đại thần mặc triều phục, mũ bình thiên, áo mãng đỏ, thêu chỉ vàng sạc sỡ. Theo sau là chiếc thuyền sơn đỏ tô vàng, trên có long đình, cheo rèm thêu, là nơi Công-chúa ngự, xung-quanh các thị-nữ mặc áo màu xanh nhạt, nhỏn nhơ ngồi nhìn giời ngắm đất, hay ngước mắt trông theo lá cờ « Trần triều công chúa » đang phất phơ mềm mại trên cao. Bốn con thuyền đi kèm hai bên, cũng có cờ có gươm dáo, nhưng khác hẳn, là có chiêng chống, nhã-nhạc vang lừng. Năm chiếc thuyền chiến nữa đi lập hậu. Đoàn thuyền công chúa đi đến đâu, lại những tiếng ồn-ào hoan hô nối-tiếp lên đến đấy thành ra dân chúng vừa trông hô đức vua đi qua, lại trông hô tiếp đến công chúa. Từ đằng xa nghe, cứ từng dịp ào-ào như cơn mưa rào thỉnh thoảng bị gió thổi tạt đi lừng lúc. Đoàn thuyền đi khỏi rồi, dân chúng còn đứng lại nhìn theo mãi và trông ra những tiếng hò reo không ngớt, lại càng náo nhiệt và ngàn vọng hơn. Mãi đến lúc bóng cờ ở thuyền cuối cùng đã biến vào đằng xa rồi, mọi người mới tản nát ra về, đi rải rác qua đồng ruộng, rẽ về các làng nói chuyện rất vui vẻ. Nhiều người lại nô-nức kéo nhau theo bờ sông thẳng xuống làng Giáng để xem cho tường tận. Những thuyền bè trên sông từ sớm phải giạt nép vào trong các bến, vào ven bờ, bây giờ mới tới tấp bơi ra, thỏa sức tung tăng chạy chằng-chịt trên mặt sông như lá tre vậy. Lắm người cao hứng lại dương buồm cho thuyền theo đoàn thuyền cưới đi xem, cho đến tận cùng nơi cung cấm, cuộc hôn-lễ cao quý ấy.

II

Ba chàng trẻ tuổi ban sáng cùng nhau rảo bước chạy theo đoàn thuyền cưới, cũng toan thẳng đường sang mãi tận Giáng, để được nhìn tận mắt cảnh huy-hoàng hùng dũng và vẻ oai nghiêm cao cả của nhà vua trong ngày đại lễ đặc biệt này. Trong lòng tự lấy làm sung sướng, nói chuyện với nhau ra chiều đắc ý lắm. Nhưng đi được một quãng dài, ba chàng nghĩ sao lại ngần-ngừ thôi không đi nữa, liền dừng lại vào cái quán bên đường nghỉ chân và ăn nống cho đỡ đói. Đấy là một dãy quán vách đất, lợp rạ, ngày thường mấy cụ già ngồi bán giầu nước cho khách qua đường. Vò nước chè ủ vào trong thúng rơm dày, giầu bầy lên cái khay gỗ cau đặc những vết vôi, khách hàng ngồi lên trên chõng tre hay bức tường đất đắp cao độ non thước, bao ba mặt cái ghế bán hàng cũng đắp bằng đất, trên để cái phên tre. Hôm nay nhân ngày hội hè, vui vẻ, quang cảnh trong quán cũng đã đổi vẻ đi nhiều lắm. Trong quán có kê cả giường giải chiếu, cả bàn ghế cho khách vào ngồi. Trên quầy hàng và trên một cái bàn kê sát vào góc nhà, có đủ rượu, thịt chó, thịt gà, cơm sôi, canh, chuối, và bánh lá, bánh chưng, bánh tầy, kẹo vừng, kẹo lạc, mọi thứ ngọc thực ra dùng ở nơi thôn giã. Những chồng bát đĩa, chén sành, những nẫm sành lớn bé chen-lẫn bộn bề bên những đùi thịt, thăn thịt, chùm bánh cheo lủng-lẳng. Lúc ba chàng vào, trong quán cũng có mấy người đương ngồi uống rượu. Một người quấn khăn mỏ dìu, mặc quần vải nâu, áo cánh nái nhộm hoa-hiên, trông ra vẻ con nhà buôn-bán, ngồi riêng mình một bàn ở mãi góc trong cùng quán, mắt đăm-đăm nhìn thẳng, ý chừng suy-nghĩ, miệng chóp-chép sỉa răng, như không biết có ai ra bào quanh mình nữa, trong khi hai người ngồi giường ngoài cùng và một người ngồi trên bệ bên quầy hàng đều đứng lên chào ba chàng :

— Chào ba quý-khách ạ !

— Kính chào các bậc tráng sĩ Du-lâm, anh em chúng tôi xin thất lễ rượu các ngài trước ạ!

Ba chàng đồng thanh đáp lại:

— Anh em chúng tôi không dám, xin rước chư vị đàn anh cứ tự ý ạ!

Rồi ba chàng cùng ngồi vào giường giữa, trông quầy hàng, gọi thức nhắm uống rượu, một chàng ngảnh lại nói như phân bua với mấy người kia:

Được ngày vui, ta uống rượu có say cũng chẳng sao, ta uống cho thích, có phải không các bậc đàn anh

Mấy người nọ đều đưa nhau đáp:

— Vâng, tráng sĩ dạy chi phải. Anh em chúng tôi đây cũng nghĩ như vậy, nên mới dám mạn phép ngồi khề khà ở đây chứ

Nhà hàng đã bầy thức nhắm: thịt chó, lòng gà, lòng lợn, và đưa một bình rượu lớn lên. Một chàng hỏi:

— Rượu hảo-hạng đấy chứ? Đã không uống thì thôi. Uống thì phải thứ rượu thật ngon, một người uống mươi, mười hai người say đứ đừ kia chứ

Chủ quán đưa tay gãi tai lễ phép thưa:

Dạ, bầm rượu tăm kia đấy ạ

Một người khách cũng nói tiếp nhau:

— Các bậc tráng sĩ thì chưa uống đã say, mà khi đã uống thì lại không say nữa,

Người kia đương tìu nghỉu vơi câu nói bông đùa của mình, vì không ai phụ họa cả, thì may một trong bọn ba chàng đã đỡ lời ngay.

— Đàn anh nói thế ra anh em chúng tôi chỉ say vờ thôi à! Không đâu! Đây chúng tôi uống cho đàn anh xem.

Rồi họ rót rượu ra chén mời lại mọi người và cùng nhau uống hả hê lắm. Họ vui chuyện, mồm nói oang-oang hầu làm đồ cả nhà. Họ tán tụng vua Chương-Võ tài cao đức lớn. Họ vui sướng mừng thiên hạ thái-bình. Những người cùng ăn ở đấy đều để hợn vào, không dám trái ý ba chàng. Chỉ có vị khách ngồi trong ghế góc trong cùng vẫn điềm nhiên ngồi đăm đăm nhìn bình rượu như gởi hồn mộng đâu đâu. Ba chàng kia được thế vẫn bô bô tự đại kiêu kỳ. Một anh nói:

— Nhờ oai linh thần dũng của vua ta, trăm họ mới được yên hưởng thái bình vui thú như thế này!

Anh nữa tiếp:

— Tôi vẫn biết mà! Đức vua ta đã ra uy thì họ Trần quân hùng tướng mạnh đến đâu cũng phải tan tành, đến phải quỳ lụy cầu hòa.

Anh thứ ba tán theo:

— Quan Thái-sư họ Trần chắc đã đảng đởm kinh hồn nên mới thân đem công-chúa ra dâng để cầu bãi binh, chịu thua trước đi thế mà khôn!

Anh trước nhất lại nói:

— Phải, họ Trần đã biết hối cải, cầu-xin kết thân, hai nhà như một vua ta thương dân mà ưng thuận. Thế là từ nay không lo chinh chiến nữa, dân sự được yên vui mãi mãi... Có phải không, các bậc đàn anh?

Một người ngồi ở ngoài cùng, tỏ vẻ hoài nghi, hỏi:

— Vâng biết bây giờ. Chứ chắc đâu mà nói chuyện mai sau

Một chàng nóng nẩy nói:

— Đàn anh lại còn không tin à? Uy đức vua ta rực rỡ, mưa móc nhuần thấm muôn dân, họ Trần đã khiếp phục. Còn làm sao nữa mà còn không yên vui thái bình mãi mãi?

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

Đã có bán

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thế Trần tế Xương)

Một kiệt tác của TRẦN THANH MẠI

Kỳ tái bản này tác giả đã dày công sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1$90

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT — Hanoi

Sổ lạc quyên sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(Do Hội Khuyến Học Cantho tổ chức)

Số 7

Trương-ngọc-Nhiều điền chủ (Cần-thơ)	20 $00
Dương lập Cang Hương quản Long tuyền	10 00
Dương Chân Kỳ hội đồng Long tuyền	10 00
La thành Cơ huyện hàm Long tuyền	6 00
La Ích Phú thủ bộ Long tuyền	10 00
La văn Phát điền chủ Long tuyền	10 00
Lương Tài điền chủ Long tuyền	50 00
Võ Phước Thọ Bố bính Long tuyền	10.00
Lê-bảo-Toàn Long tuyền	2 00
Lưu tấn Nguyên Long tuyền	5.00
Lê-văn Qui Long tuyền	2 00
Lê-công-Chấp Long tuyền	2 00
Lê-công Thính Long tuyền	2 00
Lê-văn-Sự Long tuyền	2 00
Dương-thọi-Long Long tuyền	2 00
Nguyễn-văn Lâu Long tuyền	1.00
Đào-công-Tín Long tuyền	2 00
Tăng-Điền Long tuyền	2.00
Ly-O Long tuyền	2 00
Kỳ-Quan Hưng Long tuyền	2 00
Quang-di Nguyên Long tuyền	1 00
Thuận ký-trường Long tuyền	1 00
La tổng Lợi Long tuyền	5 00
Nam-Thanh Long tuyền	1 00
Số chung	340.00
số trước	854 20
cả thảy	1.194,20

(Còn nữa)

ĐÃ XUẤT BẢN

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ XÃ ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

Cuốn II *(trọn bộ)*

Bản dịch Pháp-văn của ông Nguyễn-văn-Vĩnh 470 trang khổ 17×23, bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Toàn bộ **KIM VÂN KIỀU** gồm 800 trang, thành một pho sách quí vô-giá để quốc-dân ngâm và hiểu ang van của Tố-Như.

Bản thường 3$00 cước 0$80
Bản Vergé bouffant 8$00 cước 1$20
Gửi lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0$30

TỔNG PHÁT HÀNH
MAI LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục*.

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16×25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ
« SỨC KHỎE MỚI »
HAN THUYÊN *của P. N. KHUÊ — Giá 3$50*

25 8 43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP ĐỜI THƯỢNG CỔ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
Giá 2$50

Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm 0$40 cước đảm bảo về ô. Giám-đốc

HÀN-THUYÊN
71, Tiêu-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur-gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi